

UBND HUYỆN CHI LĂNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 60 /BQLDA

Chi Lăng, ngày 09 tháng 4 năm 2024

V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm Y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng

1. Chúng tôi là: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng, chủ đầu tư của “Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng” thuộc mục số 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, “Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng” thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng.

2. Địa chỉ trụ sở chính của chủ dự án đầu tư: Số 32 đường Cai Kinh, khu Trung tâm, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Địa điểm thực hiện “Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng”: Xã Liên Sơn, xã Hữu Kiên, xã Bắc Thủy, xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/08/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chủ trương đầu tư dự án xây dựng, cải tạo 50 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 26/04/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng.

- Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng.

4. Người đại diện theo pháp luật của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng: Ông Nguyễn Văn Toán; Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 02053.533.222

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: Nguyễn Kiều Trang; Chức vụ: Nhân viên

Điện thoại: 0987565276

Chúng tôi xin gửi đến Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng hồ sơ gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng”.

- 01 bản Báo cáo kinh tế kỹ thuật của “Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng”;

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng xem xét cấp giấy phép môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng”./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban
- Lưu: HS, NTL (05b).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Toán

PHỤ LỤC

Nội dung chỉnh sửa, bổ sung theo nội dung công văn số 85/TTr-TNMT ngày 01/02/2024 của UBND huyện Chi Lăng

TT	Công văn số 85/TTr-TNMT ngày 01/02/2024 của UBND huyện Chi Lăng	Nội dung chỉnh sửa, bổ sung
I	Tại Văn bản đề nghị và Báo cáo đề xuất xác định địa chỉ của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng thuộc số 23, đường Cai Kinh, khu Trung Tâm, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, địa chỉ đúng là số 32, đường Cai Kinh, khu Trung Tâm, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Báo cáo đã chỉnh sửa tại văn bản đề nghị và tại trang 3 của báo cáo
II	Chương 1	
1	Vị trí xây dựng Trạm Y tế xã Liên Sơn chỉ cung cấp số tờ bản đồ mà không cung cấp số hiệu thửa đất và chưa xác định vị trí 35,0m ² do người dân hiến đất thuộc thửa đất, tờ bản đồ nào?	Báo cáo đã bổ sung thông tin tại trang 4: Khu đất xây dựng trạm y tế xã Liên Sơn nằm tại khu đất có diện tích 1.013,6 m ² tại xã Liên Sơn, huyện Chi Lăng. Trong đó có 978,6 m ² diện tích đất hiện trạng của trạm y tế thuộc tờ bản đồ số 23, tờ số 240 và 35 m ² đất trồng cây do dân hiến thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 18
2	Địa chỉ của Trạm Y tế xã Chiến Thắng ghi tại khu Hòa Bình I, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn là chưa đúng vị trí địa lý, đơn vị hành chính	Báo cáo đã bổ sung thông tin tại trang 5 Khu đất xây dựng trạm y tế xã Chiến Thắng nằm tại khu đất có diện tích 682 m ² thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 44 tại thôn Nà Lầm, xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.
3	Mục 3.2.1 ghi tiêu đề " <i>Quy trình công nghệ sản xuất dụng cụ cầm tay bằng kim loại</i> " là không liên quan đến nội dung đề nghị cấp phép môi trường	Báo cáo đã lược bỏ nội dung này

4	<p>Mục sản phẩm của Dự án chưa có nội dung các công trình xây dựng là nội dung chính của việc cấp Giấy phép môi trường cho dự án "<i>Đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng</i>"</p>	<p>Báo cáo đã bổ sung thông tin tại trang 10 - 11</p> <p>Sản phẩm của dự án đầu tư là công trình các trạm y tế Hữu Kiên, Liên Sơn, Bắc Thủy và Chiến Thắng được cải tạo, xây mới một số hạng mục cụ thể như sau:</p> <p>a. Trạm y tế xã Hữu Kiên:</p> <p>Xây dựng mới nhà Trạm y tế, cao 02 tầng, diện tích xây dựng 208,41m²; diện tích sàn 416,82m²; nhà công vụ diện tích xây dựng 72m²; nhà chứa rác diện tích xây dựng 20m², diện tích sử dụng 11,88m²; nhà để xe diện tích xây dựng 45m²; sân bê tông diện tích 300m²; cổng rộng 5m, tường rào dài 109m và giếng khoan. Hệ thống kỹ thuật cấp điện, chiếu sáng, cấp, thoát nước đầu tư đồng bộ.</p> <p>b. Trạm y tế Bắc Thủy:</p> <p>Xây dựng mới nhà Trạm y tế, cao 02 tầng, diện tích xây dựng 208,41m²; diện tích sàn 416,82m²; nhà công vụ diện tích xây dựng 34,6m²; nhà chứa rác diện tích xây dựng 7,4m², diện tích sử dụng 5,76m²; sân bê tông, diện tích 190m²; cổng rộng 3,56m; tường rào dài 57,8m; mái hiên nhà trạm y tế, diện tích 119,46m² và giếng khoan. Hệ thống kỹ thuật cấp điện, chiếu sáng, cấp, thoát nước đầu tư đồng bộ.</p>
---	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>c. Trạm y tế xã Liên Sơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây mới nhà Trạm y tế 04 phòng, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 80m²; nhà công vụ diện tích xây dựng 33m²; nhà chứa rác diện tích xây dựng 10m², diện tích sử dụng 8,25m²; sân bê tông, diện tích 300m²; cổng rộng 5m, tường rào dài 55m, kè chắn đất dài 13,6m. Hệ thống kỹ thuật cấp điện, chiếu sáng, cấp, thoát nước đầu tư đồng bộ. - Cải tạo nhà Trạm y tế cũ (gồm 06 phòng), diện tích xây dựng 124m². <p>d. Trạm y tế xã Chiến Thắng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp dãy nhà cao 01 tầng (hình chữ L), kích thước nhà (16,5 x 6,9)m và (16,2 x 6,9)m, cải tạo sửa chữa nhà bếp, bồn hoa, khoan 01 giếng khoan, lợp mái tôn phía trước nhà khám bệnh.
III	Chương II của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường: Đề nghị bổ sung căn cứ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã	
IV	Chương 3	
5	Chưa nêu các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án quy định tại mục 1 Chương III Phụ	Báo cáo đã bổ sung thông tin tại trang 37 - 39

	lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	
6	Chưa nêu các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án (nếu có) quy định tại mục 1 Chương III Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Báo cáo đã bổ sung thông tin tại trang 39
7	Tại mục 2 chỉ mô tả nguồn nước tiếp nhận là sông Thương. Tuy nhiên, sông Thương không phải là nguồn nước của xã Hữu Kiên, xã Liên Sơn và xã Chiến Thắng mà là nguồn nước khác	Báo cáo đã lược bỏ nội dung này
8	Chưa mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận quy định tại mục 2 Chương III Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Báo cáo đã bổ sung thông tin tại trang 39 Do đặc điểm địa hình tự nhiên của khu vực thực hiện nên nguồn tiếp nhận nước thải của dự án không có ao hồ, kênh rạch, sông, suối,... Nước thải sau xử lý được đưa vào bể tự ngấm để thẩm thấu vào đất.
9	Chưa có nội dung Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có) quy định tại mục 2 Chương III Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Báo cáo đã bổ sung thông tin tại trang 43 2.3. Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi: Không có.
10	Chỉ có Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận của dự án đối với	Do đặc điểm địa hình tự nhiên của khu vực thực hiện nên nguồn tiếp nhận nước thải của dự án không có ao hồ, kênh

	không khí mà không có môi trường đất, nước quy định tại mục 3 Chương III phụ lục XI Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	ràch, sông, suối,... nên đơn vị không thể quan trắc mẫu nước mặt. Do nền thi công khu vực dự án đã được bê tông hoá nên đơn vị không thể quan trắc mẫu đất
11	Chỉ có 02 Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận của dự án là chưa đủ đối với mục 3 Chương III phụ lục XI Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT đã quy định " <i>ít nhất là 03 đợt khảo sát</i> "	Báo cáo đã quan trắc 03 đợt vào ngày 19, 20, 21/06/2023 (trang 45)
V	Chương 4	
12	Theo quy định mục 1 Chương IV Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT là " <i>Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án</i> ". Tuy nhiên, Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường là " <i>Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai lắp đặt máy móc</i> ".	Báo cáo đã chỉnh sửa tại trang 52
13	Điểm b mục 1.2.1 Điều 1 ghi " <i>đền bù, giải phóng mặt bằng tuân thủ theo quy định</i> ". Tuy nhiên, qua kiểm tra thành phần hồ sơ kèm theo với Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của UBND	Do các hộ dân tự nguyện hiến đất để xây dựng trạm y tế nên mức chi phí thoả thuận giữa UBND xã, Trạm y tế và người dân là hợp lý.

	<p>tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan về cơ chế chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn thì Biên bản làm việc giữa UBND xã, Trạm Y tế xã với người sử dụng đất để thỏa thuận tiền và diện tích đất là chưa đảm bảo quy định</p>	
14	<p>Tiêu đề mục B.3 chưa phù hợp với tiêu mục B.3.1 và B.3.2</p>	<p>Báo cáo đã chỉnh sửa tại trang 75 B.3. Biện pháp giảm thiểu các tác động từ tiếng ồn và độ rung</p>
15	<p>Đề nghị làm rõ bể tự hoại 03 ngăn và bể xử lý nước bẩn ngầm có phải là một công trình hay khác nhau để thống nhất dùng 01 tên gọi, do tại mục A.2 của Báo cáo có ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống thu gom và xử lý nước thải được thiết kế tách riêng hoàn toàn với hệ thống đường cống thu gom và thoát nước mưa; + Nước thải khu vệ sinh xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn; + Nước thải từ chậu rửa, sàn nhà vệ sinh và nhà tắm xử lý bằng bể tự ngầm; + Nước thải từ nhà bếp xử lý bằng bể xử lý nước bẩn; + Nước thải từ phòng khám, phòng đờ, phòng sơ cứu được 	<p>Báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung tại trang 97</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải bộ xí khu vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D110 với tổng chiều dài 150m dẫn nước thải về bể tự hoại 3 ngăn sau đó đưa về bể xử lý để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B và đưa vào bể tự ngầm để nước thải tự thấm thấu vào đất. - Nước thải từ chậu rửa, phễu thu sàn nhà vệ sinh, nhà tắm được thu gom bằng đường ống PVC dẫn về bể xử lý để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B và đưa vào bể tự ngầm để nước thải tự thấm thấu vào đất. - Nước thải từ nhà bếp được thu gom và dẫn qua bẫy mỡ

	<p>thu gom vào thùng chứa 500L sau đó được xử lý cùng các loại chất thải nguy hại.</p> <p>Và tại mục quy trình xử lý nước tại các Trạm chỉ xác định có bể tự ngầm và Bể xử lý nước bản ngầm có thể tích 3,82m³.</p>	<p>trước khi đưa về bể xử lý để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B và đưa vào bể tự ngầm để nước thải tự thấm thấu vào đất.</p>
16	<p>Tại Trạm Y tế xã Bắc Thủy và Trạm Y tế xã Chiến Thắng chỉ bố trí 01 bể tự ngầm có thể tích 3,92m³ và quy trình xử lý là Nước thải sau khi xử lý sơ bộ (chưa cụ thể) được đưa về bể tự ngầm để khử trùng trước khi thải ra môi trường có đảm bảo vệ sinh môi trường khi các Trạm Y tế xã Hữu Kiên và Trạm Y tế xã Liên Sơn bố trí 01 bể tự ngầm và 01 bể tự hoại</p>	<p>Báo cáo đã chỉnh sửa tại trang 100 – 101</p> <p>Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại nguồn bằng bể tự hoại, bẫy mỡ... được đưa về bể xử lý nước thải gồm 2 ngăn: ngăn lắng và ngăn xử lý theo mẻ sau đó được khử trùng và đưa sang bể tự thấm. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B.</p>
17	<p>Tại nội dung xử lý rác thải có ghi:</p> <p>"+ Trạm y tế xã Hữu Kiên: Bố trí khu chứa rác thông thường tại 01 ngăn của nhà chứa rác, bố trí cách trục 1 nhà Trạm y tế 01m về phía Tây. Ngăn chứa có diện tích 10m², bố trí biển tên, biển cảnh báo nguy hiểm, thiết bị PCCC khẩn cấp và 02 thùng chứa CTNH có thể tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, có ghi nhãn bên ngoài mỗi thùng chứa để phân biệt từng loại chất thải.</p> <p>+ Trạm y tế xã Bắc Thủy: Bố trí 01 khu chứa rác thông</p>	<p>Báo cáo đã chỉnh sửa tại trang 101 - 102</p> <p>Đối với chất thải y tế có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải khác được thu gom tập trung vào thùng chứa có nắp đậy với thể tích 50lít (03 thùng/trạm), các thùng rác được bố trí tại phòng ăn, hành lang của khu nhà trạm Y tế. Cuối giờ làm, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom và tiến hành phân loại, sau đó bán cho người thu mua phế liệu để tái sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trạm y tế xã Hữu Kiên: Nhà chứa rác xây mới, nhà chứa rác

thường có diện tích 2m² cạnh nhà chứa rác xây mới. Khu chứa rác bố trí biển tên, biển cảnh báo nguy hiểm, thiết bị PCCC khẩn cấp và 02 thùng chứa CTNH có thể tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, có ghi nhãn bên ngoài mỗi thùng chứa để phân biệt từng loại chất thải.

+ Trạm y tế xã Liên Sơn: Bố trí khu chứa rác thông thường tại 01 ngăn của nhà chứa rác, bố trí góc phía Tây-Bắc khu đất dự án, cách nhà vệ sinh hiện trạng về phía Tây. Ngăn chứa có diện tích 5m², bố trí biển tên, biển cảnh báo nguy hiểm, thiết bị PCCC khẩn cấp và 02 thùng chứa CTNH có thể tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, có ghi nhãn bên ngoài mỗi thùng chứa để phân biệt từng loại chất thải.

+Trạm y tế xã Chiến Thắng: Bố trí 01 khu chứa rác thông thường có mái che, tường quay tôn, diện tích 2m² cạnh khu tập kết rác nguy hại phía sau nhà Trạm y tế. Khu chứa rác bố trí biển tên, biển cảnh báo nguy hiểm, thiết bị PCCC khẩn cấp và 02 thùng chứa CTNH"

Theo khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định:

"2. Việc lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại;
- b) Không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường;

diện tích xây dựng 20m², diện tích sử dụng 11,88m², bố trí cách trục 1 nhà trạm y tế 01m về phía Tây. Nhà rác được chia thành 2 ngăn chứa rác nguy hại và rác thải thông thường riêng biệt. Ngăn chứa rác thông thường có bố trí biển tên, biển cảnh báo nguy hiểm, thiết bị PCCC khẩn cấp và 02 thùng chứa thể tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, có ghi nhãn bên ngoài mỗi thùng chứa để phân biệt từng loại chất thải.

• Trạm y tế xã Bắc Thủy: Nhà chứa rác xây mới, nhà chứa rác diện tích xây dựng 7,4m², diện tích sử dụng 5,76m²; sát góc ranh giới phía Tây khu đất dự án. Nhà rác được chia 2 ngăn chứa rác nguy hại và rác thải thông thường riêng biệt. Ngăn chứa rác thông thường có bố trí biển tên, biển cảnh báo nguy hiểm, thiết bị PCCC khẩn cấp và 02 thùng chứa thể tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, có ghi nhãn bên ngoài mỗi thùng chứa để phân biệt từng loại chất thải.

• Trạm y tế xã Liên Sơn: Nhà chứa rác xây mới, nhà chứa rác diện tích xây dựng 10m², diện tích sử dụng 8,25m². Công trình bố trí tại góc phía Tây-Bắc khu đất dự án, cách nhà vệ sinh hiện trạng về phía Tây. Nhà rác được chia thành 2 ngăn chứa rác nguy hại và rác thải thông thường riêng biệt. Ngăn chứa rác

	<p>c) Không làm phát tán bụi, rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường; d) Chỉ được lưu giữ trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật." Do đó, việc để chung và lẫn giữa 02 loại rác là không đảm bảo quy định</p>	<p>thông thường có bố trí biển tên, biển cảnh báo nguy hiểm, thiết bị PCCC khẩn cấp và 02 thùng chứa thể tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, có ghi nhãn bên ngoài mỗi thùng chứa để phân biệt từng loại chất thải.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trạm y tế xã Chiến Thắng: Trạm có bố trí 01 khu chứa rác có diện tích xây dựng 12,8m², diện tích sử dụng 7,68m² tại góc phía Bắc của khu đất. Nhà rác được chia 2 ngăn chứa rác nguy hại và rác thải thông thường riêng biệt, kho có mái che, tường quay tôn được bố trí phía sau nhà Trạm y tế. Ngăn chứa rác thông thường có bố trí biển tên, biển cảnh báo nguy hiểm, thiết bị PCCC khẩn cấp và 02 thùng chứa thể tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, có ghi nhãn bên ngoài mỗi thùng chứa để phân biệt từng loại chất thải.
VI	<p>Chương 5: Theo quy định tên Chương V Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT là "<i>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG</i>". Tuy nhiên, Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường là "<i>PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC</i>".</p>	<p>Báo cáo đã bổ sung</p>
VII	<p>Chương 6</p>	

18	Chưa thuyết minh có đề nghị cấp phép đối với nội dung khí thải và tiếng ồn, độ rung không	<p style="text-align: center;">Báo cáo đã bổ sung tại trang 113</p> <p>2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không đề nghị.</p> <p>3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: không đề nghị.</p>
19	<p>Theo nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải có ghi:</p> <p><i>"- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh tại các Trạm y tế.</i></p> <p><i>- Dòng nước thải:</i></p> <p><i>+ Trạm y tế Hữu Kiên: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý.</i></p> <p><i>+ Trạm y tế Bắc Thủy: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý.</i></p> <p><i>+ Trạm y tế Liên Sơn: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý.</i></p> <p><i>+ Trạm y tế Chiến Thắng: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý.</i></p> <p><i>- Lưu lượng xả nước thải tối đa:</i></p> <p><i>+ Trạm y tế xã Bắc Thủy: 21,78m³/ngày.</i></p> <p><i>+ Trạm y tế xã Liên Sơn: 19,635m³/ngày.</i></p> <p><i>+ Trạm y tế xã Hữu Kiên: 20,955m³/ngày.</i></p>	<p style="text-align: center;">Báo cáo đã chỉnh sửa tại trang 112</p> <p>Lưu lượng xả thải của dự án:</p> <p>+ Trạm y tế xã Bắc Thủy: 1,98m³/ngày.</p> <p>+ Trạm y tế xã Liên Sơn: 1,785m³/ngày.</p> <p>+ Trạm y tế xã Hữu Kiên: 1,905m³/ngày.</p> <p>+ Trạm y tế xã Chiến Thắng: 1,965m³/ngày.</p>

	<p>+ Trạm y tế xã Chiến Thắng: 21,615m³/ngày"</p> <p>Tuy nhiên, tại nội dung Báo cáo đề xuất có xác định tại Trạm Y tế xã Bắc Thủy và Trạm Y tế xã Chiến Thắng chỉ bố trí duy nhất 01 bể tự ngầm chỉ có thể tích 3,92m³ thì có đảm bảo xử lý với lưu lượng phát sinh như trên, do sau xử lý của bể tự ngầm là xả trực tiếp ra môi trường.</p>	
VIII	Phụ lục	
20	Các Biên bản làm việc giữa UBND xã, Trạm Y tế xã với người sử dụng đất để thỏa thuận tiền và diện tích đất tại xã Liên Sơn và xã Bắc Thủy là chưa đảm bảo quy định theo quy định của Luật Đất đai năm 2013	Do đất mở rộng của trạm Liên Sơn và Bắc Thủy là đất do dân hiến, tặng cho nên biên bản làm việc đã lập là phù hợp
21	Thiếu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Trạm Y tế xã Liên Sơn	Đã bổ sung trích đo của khu đất
22	Trạm Y tế xã Bắc Thủy chỉ bố trí 01 bể tự ngầm. Tuy nhiên, bản vẽ Mặt bằng tổng thể xác định có thêm bể xử lý nước thải Y tế	Báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung thông tin tại trang 99
23	Tại nội dung Kho chứa rác thải nguy hại đã xác định Trạm Y tế xã Bắc Thủy xây dựng nhà chứa rác có diện tích 5,76m ² . Tuy nhiên, bản vẽ Mặt bằng tổng thể xác định nhà chứa rác có diện tích 7,4m ²	Kho chứa rác thải nguy hại đã xác định Trạm Y tế xã Bắc Thủy có diện tích xây dựng là 7,4m ² , diện tích sử dụng là 5,76m ² .
24	Tại nội dung Kho chứa rác thải nguy hại đã xác định Trạm Y tế xã Hữu Kiên xây dựng nhà chứa rác có diện tích 20m ² .	Kho chứa rác thải nguy hại đã xác định Trạm Y tế xã Hữu Kiên có diện tích xây dựng là 20m ² , diện tích sử dụng là

	Tuy nhiên, bản vẽ Mặt bằng tổng thể xác định nhà chứa rác có diện tích 11,88m ²	11,88m ²
25	Tại nội dung Kho chứa rác thải nguy hại đã xác định Trạm Y tế xã Liên Sơn xây dựng nhà chứa rác có diện tích 10m ² . Tuy nhiên, bản vẽ Mặt bằng tổng thể xác định nhà chứa rác có diện tích 8,25m ²	Kho chứa rác thải nguy hại đã xác định Trạm Y tế xã Liên Sơn có diện tích xây dựng 10m ² , diện tích sử dụng là 8,25m ²
26	Chưa có các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế của Trạm Y tế xã Chiến Thắng quy định tại mục 2.3 Chương IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Báo cáo đã bổ sung bộ bản vẽ thiết kế của dự án
27	Bản vẽ Mặt bằng tổng thể Trạm Y tế xã Liên Sơn chưa thể hiện vị trí các bể xử lý nước thải	Bản vẽ quy hoạch mặt bằng trạm y tế xã Liên Sơn đã thể hiện vị trí 01 bể tự thấm, 01 bể xử lý
28	Bản vẽ Mặt bằng tổng thể Trạm Y tế xã Hữu Kiên chỉ thể hiện 01 bể xử lý nước thải	Bản vẽ bằng tổng mặt bằng Trạm Y tế xã Hữu Kiên chỉ thể hiện 01 bể xử lý nước thải, 01 bể tự thấm và 01 bể tự hoại
29	Chưa có bản vẽ Mặt bằng tổng thể Trạm Y tế xã Chiến Thắng	Báo cáo đã bổ sung tại phụ lục
30	Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án tại các Trạm Y tế xã chưa thể hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án như: Rãnh thoát nước; vị trí thùng 500L chứa nước thải từ phòng khám, phòng đẻ, phòng sơ cứu; Thiếu chỉ dẫn điểm thoát nước thải, nước mặt; vị trí đặt các thùng rác	Báo cáo đã bổ sung bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước mưa, nước thải của dự án. Tuy nhiên do đặc điểm của địa hình nên nước thải sau xử lý sẽ tự thấm thấu xuống đất. Do đó vị trí xả thải là vị trí bể tự ngầm.

31	Thiếu sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường quy định tại phần Phụ lục báo cáo ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Báo cáo đã bổ sung tại phụ lục
----	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN CHI LĂNG

-----o0o-----

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO TRẠM Y
TẾ TUYẾN XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHI LĂNG”

Địa điểm thực hiện: xã Hữu Kiên, xã Bắc Thủy, xã Liên Sơn, xã Chiến Thắng,
huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ DỰ ÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Toán

Chi Lăng, tháng ... năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo
Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo 50 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 43/TTr-SXD ngày 24/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Chi Lăng.

4. Mục tiêu đầu tư: đầu tư xây dựng các Trạm y tế nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân các xã: Hữu Kiên, Bắc Thủy, Liên Sơn, Chiến Thắng, huyện Chi Lăng.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Trạm y tế xã Hữu Kiên

- Phá dỡ nhà Trạm y tế cũ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 74m^2 ; nhà bếp cũ, cao 01 tầng diện tích xây dựng 14m^2 , để tạo mặt bằng xây dựng mới nhà Trạm y tế.

- Xây dựng mới nhà Trạm y tế, cao 02 tầng, diện tích xây dựng $208,41\text{m}^2$; diện tích sàn $416,82\text{m}^2$. Hệ thống kỹ thuật cấp điện, chiếu sáng, cấp, thoát nước đầu tư đồng bộ.

b) Trạm y tế xã Bắc Thủy

- Phá dỡ nhà Trạm y tế cũ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng $73,7\text{m}^2$, để tạo mặt bằng xây dựng mới nhà Trạm y tế.

- Xây dựng mới nhà Trạm y tế, cao 02 tầng, diện tích xây dựng $208,41\text{m}^2$; diện tích sàn $416,82\text{m}^2$. Hệ thống kỹ thuật cấp điện, chiếu sáng, cấp, thoát nước đầu tư đồng bộ.

c) Trạm y tế xã Liên Sơn

- Phá dỡ nhà bếp hiện trạng, diện tích xây dựng 17m^2 , để tạo mặt bằng xây dựng mới nhà Trạm y tế

- Xây mới nhà Trạm y tế 04 phòng, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 80m^2 . Hệ thống kỹ thuật cấp điện, chiếu sáng, cấp, thoát nước đầu tư đồng bộ.

- Cải tạo nhà Trạm y tế cũ (gồm 06 phòng), diện tích xây dựng 124m^2 .

d) Trạm y tế xã Chiến Thắng

- Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp dãy nhà cao 01 tầng (hình chữ L), kích thước nhà $(16,5 \times 6,9)\text{m}$ và $(16,2 \times 6,9)\text{m}$.

- Các hạng mục phụ trợ: cải tạo sửa chữa nhà bếp, bồn hoa, khoan 01 giếng khoan, lợp mái tôn phía trước nhà khám bệnh.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

a) Trạm y tế xã Hữu Kiên và Trạm y tế xã Liên Sơn: Công ty cổ phần Thời Đại (*địa chỉ: số 239, đường Bà Triệu, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*).

b) Trạm y tế xã Bắc Thủy và Trạm y tế xã Chiến Thắng: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Nhật Minh (*địa chỉ: số 38, ngõ 123, đường Phai Vệ, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*)

7. Địa điểm xây dựng: trong khuôn viên khu đất của Trạm y tế các xã: Hữu Kiên, Bắc Thủy, Liên Sơn, Chiến Thắng, huyện Chi Lăng.

8. Diện tích sử dụng đất

- Trạm y tế xã Hữu Kiên: $2.404,0\text{m}^2$.

- Trạm y tế xã Bắc Thủy: $384,2\text{m}^2$.

- Trạm y tế xã Liên Sơn: $978,6\text{m}^2$.

- Trạm y tế xã Chiến Thắng: 682m^2 .

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình thuộc dự án: nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 01 bước.

11. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 05:2008 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe.

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 01:2021 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 02:2022 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- TCVN 7022:2002 Trạm y tế cơ sở - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 2737:2020 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 Đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7114:2008 Chiếu sáng cho hệ thống làm việc trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế.

- TCVN 4513-1998: Cấp thoát nước trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

12. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

12.1. Trạm y tế xã Hữu Kiên

12.1.1. Giải pháp phá dỡ

Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công các công trình hiện trạng gồm: nhà Trạm y tế hiện trạng, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 74m²; nhà bếp cũ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 14m². Vận chuyển đổ thải cách vị trí công trình 01km.

12.1.2. Tổng mặt bằng xây dựng

- Trạm y tế xã Hữu Kiên được xây dựng trên khu đất có diện tích

2.404,0m², đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau: xây dựng mới nhà Trạm y tế, cao 02 tầng, được bố trí phía Tây Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Nam.

- Các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng chủ yếu đạt được như sau: mật độ xây dựng 13,47%; số tầng cao tối đa 02 tầng; hệ số sử dụng đất 0,22 lần.

12.1.3. Nhà Trạm y tế

- Thiết kế kiến trúc (*áp dụng theo mẫu số 01: nhà hình chữ nhật, 02 tầng, 07 phòng chức năng, có khu vệ sinh phù hợp theo theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành thiết kế mẫu Trạm y tế xã*): mặt bằng nhà hình chữ nhật; hành lang rộng 2,3m (tính theo tim tường); mái dốc, lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80)mm, dày 1,4mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh lát bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hóa gia đình, phòng tiết trùng ốp bằng gạch men kích thước (300x600)mm cao kịch trần. Phòng tiêm, phòng sơ cứu, cấp cứu ốp bằng gạch men kích thước (300x600)mm ốp cao 2m. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch men kích thước (300x600)mm cao 1,8m. Tường trong nhà và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng nguồn điện hiện trạng đã có, dùng dây cáp CU/XPLE/PVC (2x25)mm² đến tủ điện tổng đặt tại tầng 01 trục 6:(C-D). Từ tủ điện tổng đặt tại tầng 01 của nhà cấp điện đến các tủ điện tổng tầng 01, tầng 02 trục 6:(C-D) bằng dây cáp điện mềm CU/PVC/PVC tiết diện (2x16)mm². Từ tủ tổng của tầng cấp đến các tủ điện đặt tại các phòng bằng dây dẫn điện CU/PVC/PVC (2x6)mm². Từ tủ điện phòng sẽ chia ra cấp cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/PVC/PVC (2x1,5)mm² và cấp cho ổ cắm và cho dây chờ điều hòa bằng dây CU/PVC/PVC (2x2,5)mm². Dây dẫn điện luôn trong ống nhựa xoắn đi ngầm trong tường. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 40w, đèn tuýp led dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn led ốp trần công suất 18w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m công suất 80W. Các thiết bị bảo vệ điện sử dụng aptomat.

- Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

+ Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ bể chứa nước hiện có bằng máy bơm (Q=3m³/h, H=25m) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung

tích tể chứa nước 2m^3) bằng ống PPR $d=32\text{mm}$. Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính $d=32\text{mm}$, $d=20\text{mm}$.

+ Thiết kế thoát nước: nước mưa từ mái tôn dốc chảy xuống sân nô mái xung quanh nhà, thoát nước xuống mặt sân bằng ống PVC $d=90\text{mm}$; nước xí tiêu thoát vào bể tự hoại, sau đó thoát ra bể tự ngầm; nước rửa và nước thoát sàn thoát ra bể tự ngầm. Nước từ các lavabo nhà trạm được thoát ra bể xử lý nước thải và được xử lý bằng hóa chất sau đó thoát ra bể tự ngầm.

Rãnh thoát nước dài $40,5\text{m}$, có kích thước $(0,64 \times 0,5)\text{m}$. Đáy rãnh bằng bê tông xi măng mác 150; thành rãnh xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 110mm , lòng rãnh trát vữa xi măng cát mác 75; tấm đan đáy rãnh bằng bê tông cốt thép mác 200.

Bể tự hoại: bố trí phía dưới nhà vệ sinh, kích thước bể $(1,8 \times 2,4 \times 1,35)\text{m}$; lót đáy bể bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm ; đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 10cm ; thành xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát bể bằng vữa xi măng cát mác 75; tấm đan nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 10cm .

Bể xử lý nước thải: được xây dựng phía trước nhà trạm, có kích thước $(2,22 \times 1,72)\text{m}$ cao $2,2\text{m}$. Thành bể được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75; đáy bể và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200. Trong bể trát vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm , đáy bể được láng vữa xi măng mác 75 dày 20mm .

Bể tự ngầm: được xây dựng phía trước nhà trạm, có kích thước $(2,42 \times 1,62)\text{m}$ cao $2,05\text{m}$. Thành bể được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75. Trong bể bố trí các lớp lọc từ đáy bể lên gồm lớp gạch xếp dày 300mm , lớp gạch vỡ $(60 \times 60)\text{mm}$ dày 200mm , lớp gạch vỡ $(30 \times 30)\text{mm}$ dày 300mm , lớp than xỉ dày 200mm , lớp than củi dày 200mm . Nắp bể được làm bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200, dày 100mm .

- Thiết kế chống sét: kim thu sét (04 kim) dùng thép tròn đường kính $d=16\text{mm}$ dài 1m ; dây dẫn sét trên tường dùng dây thép tròn đường kính $d=10\text{mm}$. Dây nối đất dùng dây thép tròn $d=14\text{mm}$. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình $L(63 \times 63 \times 6)\text{mm}$ dài $2,5\text{m}$ đặt sâu cách mặt đất $0,8\text{m}$. Điện trở nối đất $R_{nd} \leq 10\Omega$.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: mỗi tầng sẽ được bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục 6 (đoạn từ trục C-D), cao $1,0$ so với nền nhà; kích thước tủ $(500 \times 600 \times 180)\text{mm}$, mỗi tủ chứa 01 bình bột MFZ4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.2. Trạm y tế xã Bắc Thủy

12.2.1. Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công công trình hiện trạng gồm nhà Trạm y tế cũ, 01 tầng, diện tích xây dựng $73,7\text{m}^2$. Vận chuyển đổ thải cách vị trí công trình 01km .

12.2.2. Tổng mặt bằng xây dựng

- Trạm y tế xã Bắc Thủy được xây dựng trên khu đất có diện tích $384,2\text{m}^2$, đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau: xây dựng mới

nhà Trạm y tế, 02 tầng được bố trí phía Đông Bắc của khu đất thực hiện dự án, mặt đứng chính hướng Tây Nam.

- Các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng chủ yếu đạt được như sau: mật độ xây dựng 27,6%; số tầng cao tối đa 02 tầng; hệ số sử dụng đất 0,28 lần.

12.2.3. Giải pháp thiết kế xây dựng mới nhà Trạm y tế, 02 tầng

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước theo tim tường (27,0x7,4)m. Chiều cao tôn nền 0,36m; tầng 01, cao 3,6m; tầng 02, cao 3,6m; chiều cao công trình (tính đến đỉnh mái) 9,6m. Mái dốc, lợp tôn dày 0,4mm; xà gồ bằng thép hộp mạ kẽm (80x40)mm dày 1,4mm gác trên tường thu hồi.

- Thiết kế kết cấu chính: móng đơn bê tông cốt thép có giằng móng bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200; móng và tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh lát bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng đẽ, phòng kế hoạch hóa gia đình, phòng tiết trùng ốp bằng gạch men kích thước (250x400)mm đến trần. Phòng tiêm, phòng sơ cứu, cấp cứu ốp bằng gạch men kích thước (250x400)mm ốp cao 2m. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch men kích thước (250x400)mm cao 2m. Tường trong nhà và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện: nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ cột điện hạ áp gần trụ sở UBND xã. Từ điểm đầu nối, cấp đến tủ điện tổng đặt tại nhà khám chữa bệnh (tủ điện bố trí khu cầu thang), dùng dây dẫn loại (2x16)mm². Từ tủ điện tổng, điện được cấp cho atomat tổng tầng 01 (tủ điện tầng 01 đặt chung hộp với tủ điện tổng) và tủ điện tổng tầng 02 (đặt tại khu chiếu nghỉ cầu thang) dùng dây dẫn loại (2x6)mm²; cấp đèn các phòng dùng dây dẫn tiết diện (2x4)mm²; cấp cho bóng đèn, quạt điện dùng dây dẫn loại (2x1,5)mm²; cấp cho ổ cắm dùng dây dẫn loại (2x2,5)mm². Toàn bộ dây dẫn trong phòng được bọc trong ống bảo hộ đường kính d=16mm và d=27mm đi ngầm tường, ngầm sàn.

- Thiết kế cấp, thoát nước:

+ Thiết kế cấp nước: nguồn nước cấp cho công trình lấy từ giếng khoan, bơm vào bể chứa nước xây mới đặt phía sau nhà vệ sinh hiện có (dung tích bể 5,68m³); từ bể chứa nước dùng bơm (Q=3,6m³/h, H=15m) bơm lên téc chứa nước đặt trên sàn mái (dung tích 3m³) bằng ống nhựa d=32mm; từ bể chứa nước cấp xuống cho các thiết bị vệ sinh bằng ống nhựa đường kính d=32mm, d=20mm; hệ thống ống và phụ kiện bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R và phụ kiện đồng bộ.

+ Thiết kế thoát nước: nước mưa từ mái tôn dốc chảy xuống sân nô mái xung quanh nhà, thoát nước xuống rãnh thoát nước quanh nhà bằng ống PVC

$d=90\text{mm}$; nước xí tiêu thoát vào bể tự hoại, sau đó thoát ra bể tự ngầm; nước rửa và nước thoát sàn thoát ra bể tự ngầm. Nước từ các lavabo nhà trạm được thoát ra bể xử lý nước thải và được xử lý bằng hóa chất sau đó thoát ra bể tự ngầm.

Rãnh thoát nước dài 43m, có kích thước (0,3x0,35)m. Đáy rãnh bằng bê tông xi măng mác 150; thành rãnh xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 110mm, lòng rãnh trát vữa xi măng cát mác 75; tấm đan đáy rãnh bằng bê tông cốt thép mác 200.

Bể tự hoại: bố trí phía dưới nhà vệ sinh, kích thước bể (1,8x2,4x1,35)m; lót đáy bể bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; đáy bể bằng bê tông cốt thép đá mác 200, dày 10cm; thành xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát bể bằng vữa xi măng cát mác 75; tấm đan nắp bể bằng bê tông cốt thép đá mác 200, dày 10cm.

Bể xử lý nước thải: được xây dựng phía trước nhà trạm, có kích thước (2,22x1,72)m cao 2,2m. Thành bể được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75; đáy bể và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200. Trong bể trát vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm, đáy bể được láng vữa xi măng mác 75 dày 20mm.

Bể tự ngầm: được xây dựng phía trước nhà trạm, có kích thước (1,4x1)m cao 1,6m. Thành bể được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75. Trong bể bố trí các lớp lọc từ đáy bể lên gồm lớp gạch xếp dày 300mm, lớp gạch vỡ (60x60)mm dày 200mm, lớp gạch vỡ (30x30)mm dày 300mm, lớp than xỉ dày 200mm, lớp than củi dày 200mm. Nắp bể được làm bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200, dày 100mm.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét (03 kim) dùng thép tròn đường kính $d=16\text{mm}$ dài 1,0m; dây dẫn sét trên tường dùng dây thép tròn đường kính $d=10\text{mm}$. Dây nối đất dùng dây thép tròn $d=20\text{mm}$. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất $R_{nd} \leq 10\Omega$.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục 6 (khu vực cầu thang), cao 1,0m so với nền nhà; kích thước tủ (600x650x180)mm, mỗi tủ chứa 01 bình bột MFZ4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.3. Trạm y tế xã Liên Sơn

12.3.1. Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công công trình bếp hiện trạng, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 17m². Vận chuyển đồ thải cách vị trí công trình 01km.

12.3.2. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng

Trạm y tế xã Liên Sơn được cải tạo, xây dựng trên khu đất (diện tích 978,6m²), đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau:

- Cải tạo nhà Trạm y tế cũ (06 phòng), diện tích xây dựng 124m², ở phía Nam khu đất .

- Xây mới nhà Trạm y tế 04 phòng, 01 tầng, diện tích xây dựng 80m², ở

phía Tây Bắc khu đất.

- Các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng chủ yếu đạt được như sau: mật độ xây dựng 25%; số tầng cao tối đa 02 tầng; hệ số sử dụng đất 0,25 lần.

12.3.3. Giải pháp thiết kế các hạng mục, công trình

a) Cải tạo nhà Trạm y tế cũ (06 phòng)

- Tháo dỡ toàn bộ mái tôn cũ đã hỏng, thay mới lại toàn bộ mái tôn dày 0,4mm, diện tích 119m²; cạo rỉ lớp sơn xà gồ cũ sơn lại bằng sơn chống gỉ 03 nước.

- Phá dỡ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà trát lại tường trong và ngoài nhà bằng vữa xi măng cát mác 75, sơn lại bằng sơn 01 lớp lót, 02 lớp phủ.

- Phá dỡ toàn bộ gạch lát nền đã hỏng, lát lại bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, diện tích 69,8m².

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện cũ; làm lại mới toàn bộ hệ thống điện, dây điện và ống luồn dây đi ngầm tường và trên trần nhựa; thiết bị chiếu sáng sử dụng hệ thống bóng led. Thay mới ống cấp nước cho các thiết bị chậu rửa trong các phòng bằng ống hàn nhiệt PP-R; thay mới chậu rửa kèm phụ kiện; thay thế ống thoát nước mái bằng ống nhựa PVC d=90mm.

- Giải pháp thiết kế chống sét: kim thu sét (04 kim) dùng thép tròn đường kính d=18mm dài 1m; dây dẫn sét trên tường dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d= 20mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất $R_{nd} \leq 10\Omega$.

b) Xây mới nhà Trạm y tế 04 phòng, 01 tầng:

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (9,9x7,5)m; hành lang rộng 1,8m, chiều cao nhà từ sân lên đến đỉnh mái là 5,85m, chiều cao tôn nền 0,45m; mái dốc, lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung mác 75, vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80)mm dày 1,4mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm. Tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hóa gia đình, phòng tiêm, phòng tiết trùng được ốp gạch men (300x600)mm đến sát trần. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: sử dụng nguồn điện hiện trạng đã có, bằng dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây dẫn CU/PVC/PVC (2x6)mm² đến tủ điện tổng đặt tại trục B:(1-2). Tủ điện được cấp cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/PVC/PVC (2x1,5)mm²; cấp cho ổ cắm bằng dây

CU/PVC/PVC (2x2,5)mm². Dây dẫn điện luôn trong ống nhựa xoắn đi ngầm trong tường. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đơn gắn tường, công suất mỗi bóng 36w, đèn tuýp led dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn led ốp trần công suất 15w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sai cánh 1,4m công suất 75w.

- Thiết kế cấp, thoát nước:

+ Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được lấy từ téc nước đặt trên sàn mái nhà vệ sinh hiện trạng và cấp đến lavabo bằng ống PPR d=20mm.

+ Thiết kế thoát nước: nước mưa từ mái tôn dốc chảy xuống sê nô mái xung quanh nhà, thoát nước xuống rãnh thoát nước quanh nhà bằng ống PVC D=110mm; Nước từ các lavabo nhà trạm được thoát ra bể xử lý nước thải và được xử lý bằng hóa chất sau đó thoát ra bể tự ngầm.

Rãnh thoát nước dài 27,5m; có kích thước (0,64x0,5)m. Đáy rãnh bằng bê tông xi măng mác 150; thành rãnh xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 110mm, lòng rãnh trát vữa xi măng cát mác 75; tấm đan đáy rãnh bằng bê tông cốt thép mác 200.

Bể xử lý nước thải: được xây dựng phía trước nhà trạm, có kích thước (2,22x1,72)m cao 2,2m. Thành bể được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75; đáy bể và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200. Trong bể trát vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm, đáy bể được lán vữa xi măng mác 75 dày 20mm.

Bể tự ngầm: được xây dựng phía trước nhà trạm, có kích thước (2,42x1,62)m cao 2,05m. Thành bể được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75. Trong bể bố trí các lớp lọc từ đáy bể lên gồm lớp gạch xếp dày 300mm, lớp gạch vỡ (60x60)mm dày 200mm, lớp gạch vỡ (30x30)mm dày 300mm, lớp than xỉ dày 200mm, lớp than củi dày 200mm. Nắp bể được làm bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200, dày 100mm.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét (03 kim) dùng thép tròn đường kính d=18mm dài 1,5m; dây dẫn sét trên tường dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d= 14mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất $R_{nd} \leq 10\Omega$.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại tường trục B:(3-4), cao 0,8m so với nền nhà; kích thước tủ (650x800x180)mm, tủ chứa 02 bình bột MFZ4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.4. Trạm y tế xã Chiến Thắng

12.4.1. Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp dãy nhà 01 tầng

- Phá dỡ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà trát lại tường trong và ngoài nhà bằng vữa xi măng cát mác 75, sơn lại bằng sơn 01 lớp lót, 02 lớp phủ.

- Phá dỡ toàn bộ gạch lát nền đã hỏng, lát lại bằng gạch ceramic (500x500)mm, diện tích 208,8m².

- Phá dỡ toàn bộ gạch ốp tường trong các phòng và ốp lại bằng gạch (300x450)mm cao 1,8m, diện tích 241m².

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện cũ; làm lại mới toàn bộ hệ thống điện, dây điện và ống luồn dây đi ngầm tường và trên trần nhựa; thiết bị chiếu sáng sử dụng hệ thống bóng led.

- Thay thế ống thoát nước mái bằng ống nhựa PVC d=90mm.

- Tháo dỡ trần nhựa cũ phòng khám bệnh, diện tích 14,4m², thay bằng trần tấm nhựa khung xương (600x600)mm.

- Tháo dỡ và thay thế toàn bộ bản lề, chốt, khóa cửa đi bị hỏng; cao bô lớp sơn cửa cũ và sơn lại bằng sơn chuyên dụng, 01 nước lót, 02 nước phủ.

12.4.2. Các hạng mục phụ trợ

a) Cải tạo nhà bếp

- Cao bô lớp vữa trát trong và ngoài nhà trát lại tường trong và ngoài nhà bằng vữa xi măng cát mác 75; sơn lại bằng sơn 01 lớp lót, 02 lớp phủ.

- Phá dỡ toàn bộ gạch lát nền đã hỏng, lát lại bằng gạch ceramic (500x500)mm, diện tích 17,8m².

- Tháo dỡ toàn bộ mái tôn, xà gỗ cũ đã hỏng, thay mới lại toàn bộ xà gỗ thép hộp tiết diện (80x40)mm dày 1,4mm, mái tôn dày 0,4mm, diện tích 28m² đặt trên tường thu hồi.

b) Giếng khoan: độ sâu 50m, đường kính lỗ khoan d= 300mm; khoan giếng bằng máy khoan tự hành, thổi rửa giếng khoan, lắp đặt hệ thống ống hút nước bằng các ống PVC d=140mm, PVC d=125mm, PVC d=40mm và các phụ kiện PVC.

c) Mái tôn phía trước nhà khám bệnh: lắp dựng hệ khung cột, vì kèo bằng thép ống mạ kẽm d=90mm dày 2,5mm, thép hộp (80x40)mm dày 1,4mm, mái lợp bằng tôn, dày 0,4mm, diện tích 86,5m².

d) Bồn hoa: xây mới ở chính giữa khu đất, kích thước (1,52x1,52)m, thành xây bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng cát mác 50, cao 220mm; trát bằng vữa xi măng cát mác 75.

13. Dự toán xây dựng công trình: 11.500.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng	7.595.585.489	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	237.948.978	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	936.372.550	đồng;
- Chi phí khác	99.616.529	đồng;
- Chi phí dự phòng	2.630.476.454	đồng.

14. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022-2023.

15. Nguồn vốn đầu tư: vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Chi Lăng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Xuân Huyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO TRẠM Y TẾ
TUYẾN XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHI LĂNG
HẠNG MỤC: TRẠM Y TẾ XÃ BẮC THỦY

I. Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng.

Địa chỉ: xã Bắc Thủy - huyện Chi Lăng - tỉnh Lạng Sơn.

II. Những căn cứ pháp lý và sự cần thiết đầu

1. Những căn cứ pháp lý

- Luật xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội khoá XIII, kỳ họp thứ 7;
- Luật xây dựng số 62/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội khoá XIV, Quốc hội ban hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 35/2016/QH14 và Luật số 40/2019/QH14;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Quyết định số 11/QĐ-SXD ngày 15/01/2023 của Sở xây dựng về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
- Quyết định số 12./QĐ-SXD ngày 15/01/2023 của Sở xây dựng về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 2271/2002/QĐ-BYT ngày 17/6/2002 của Bộ Y Tế về

việc ban hành tiêu chuẩn thiết kế trạm Y tế cơ sở - Tiêu chuẩn ngành;

- Căn cứ Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến 2020;

- Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh phê duyệt đầu tư nâng cấp trạm Y tế xã đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia về Y tế xã.

- Căn cứ Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành thiết kế mẫu trạm y tế xã (phần từ cốt 0,000 đến mái)

- Căn cứ Quyết định số 1430/QĐ-SYT ngày 25/5/2020 của Sở y tế tỉnh về việc phân vùng các trạm y tế xã trên địa bàn toàn tỉnh Lạng Sơn để thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia Y tế xã đến 2020.

2. Phân tích kết quả điều tra

2.1. Thực trạng cơ sở vật chất

a) Cơ sở vật chất hiện tại gồm có: 0 Nhà khám bệnh cấp IV đã xuống cấp; nhà bếp, nhà vệ sinh, bể chứa nước tạm bợ.

b) Cán bộ trạm trong xã

- Tổng số nhân viên của trạm gồm 5 nhân viên (1 trạm trưởng + 4 nhân viên)

2.2. Đánh giá chung hiện trạng công trình:

- Nhà khám chữa bệnh quy mô nhỏ, công trình xây lâu năm đã xuống cấp, với mật độ dân số của xã đông như trên, hiện tại Trạm y tế chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của toàn bộ nhân dân trong xã.

- Không có công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị, cơ sở vật chất hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo điều kiện làm việc cho các cán bộ, nhân viên trong Trạm.

3. Sự cần thiết phải đầu tư xây dựng

Trạm Y tế xã đóng một vai trò quan trọng trong hệ thống Y tế chung của cả nước, đây là nơi thực hiện việc sơ cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho người dân trước khi chuyển lên tuyến trên cũng như việc giảm tải cho các bệnh viện tuyến huyện tỉnh và Trung ương.

Với những phát triển nhanh chóng trên mọi mặt kinh tế - xã hội, nhu cầu về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn xã cũng ngày một tăng.

Bên cạnh đó công tác thực hiện chuẩn quốc gia Y tế xã giai đoạn 2001-2010 còn bộc lộ nhiều hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Chất lượng đạt chuẩn thấp, không bền vững, năng lực hoạt động của các xã đạt chuẩn còn nhiều hạn chế; Việc đầu tư, cải tạo sửa chữa các trạm Y tế xã để đáp ứng tiêu chí của Chuẩn chưa có nguồn vốn để thực hiện chỉ có 43% các nhà trạm tạm đủ điều kiện để triển khai tối thiểu 5-7 phòng chức năng theo Chuẩn còn lại

hiều nhà trạm xuống cấp nghiêm trọng, thiếu nhiều phòng chức năng. Phần lớn các nhà trạm được xây dựng từ trước năm 2000 với quy mô nhà cấp 4 có số phòng chức năng chỉ khoảng từ 5-7 phòng và tình trạng hiện nay xuống cấp không thể cải tạo. Đồng thời diện tích xây dựng của các trạm cũng thường chỉ vào khoảng 50-80m² không đáp ứng yêu cầu của Bộ Tiêu chí quốc gia về Y tế xã, rất khó khăn cho triển khai chuyên môn.

Trang thiết bị của các trạm Y tế hiện nay vừa thiếu lại cũ và lạc hậu không đồng bộ và không đủ theo danh mục quy định của Bộ Y tế (chỉ đáp ứng được 30%- 40%). Phần lớn các trang thiết bị này được cung cấp từ nhiều nguồn vốn khác nhau và một số trang thiết bị hiện nay đã xuống cấp không sử dụng được gây nhiều khó khăn cho cán bộ Y tế để thực hiện việc khám, điều trị bệnh nhân, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc trẻ em. Các trang thiết bị như kính hiển vi máy xét nghiệm, máy điện tim, máy siêu âm thì không trạm Y tế xã nào có.

Với thực trạng hiện nay của các trạm Y tế xã, đặc biệt là tình trạng thực tế của các trạm Y tế xã thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thì cơ sở hạ tầng và điều kiện trang thiết bị chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng cao. Hiện nay số lượng khám chữa bệnh tại tuyến xã chiếm tới 50 - 60% tổng số khám bệnh chung của toàn tỉnh do vậy khi đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị sẽ giúp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các trạm Y tế xã nói riêng và đối với chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung. Đồng thời khi nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại tuyến xã sẽ tạo điều kiện cho nhân dân được điều trị tại cộng đồng giảm chi phí cho việc phải lên tuyến trên điều trị và góp phần giảm hiện tượng quá tải các bệnh viện tuyến trên.

Để đảm bảo trạm Y tế có quy mô xây dựng và đầu tư trang thiết bị phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã và tiêu chí 15 – Y tế của chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Với lý do trên việc đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Bắc Thủy là vô cùng cấp thiết.

III. Tên công trình và hình thức đầu tư

1. Tên công trình

Công trình: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng (Hạng mục: Trạm y tế xã Bắc Thủy)

2. Mục tiêu đầu tư xây dựng

Nâng cao cơ sở vật chất, chỗ làm việc cho cán bộ Trạm Y tế để phục vụ công tác khám chữa bệnh ban đầu của nhân dân nhằm thực hiện tốt Chương trình xây dựng Nông thôn mới và thực hiện Đề án “ Đầu tư nâng cấp Trạm Y tế xã đạt Bộ tiêu

chí Quốc gia về Y tế xã'’.

3. Hình thức đầu tư, cấp công trình

- Hình thức đầu tư: Xây mới;
- Nguồn vốn: vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác .
- Công trình dân dụng cấp III.

IV. Địa điểm xây dựng

1. Địa điểm xây dựng:

- Xã Bắc Thủy, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

Vị trí địa lý:

- + Phía Bắc giáp vườn nhà dân;
- + Phía Đông giáp trụ sở;
- + Phía Tây giáp vườn nhà dân;
- + Phía Nam giáp đường;

Công trình nằm cách Thị trấn khoảng 13km.

2. Các điều kiện ảnh hưởng

2.1. Điều kiện về địa chất công trình

Khu đất xây dựng có địa chất khá ổn định. Với cấu tạo địa tầng như vậy thuận lợi cho việc xây dựng các hạng mục công trình.

2.2. Điều kiện địa hình, địa mạo

Khu đất xây dựng có địa hình tương đối bằng phẳng. Địa thế tương đối thuận lợi về mặt giao thông đi lại vì gần trục đường giao thông chính.

2.3. Điều kiện về khí hậu thủy văn

Đặc điểm khí hậu Lạng Sơn là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nhưng mang những nét độc đáo, riêng biệt. Đây là tỉnh có mùa đông lạnh nhất và khô nhất nước ta, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của gió mùa Đông Bắc. Về cơ bản, khí hậu Lạng Sơn vẫn là khí hậu nhiệt đới với tổng nhiệt độ năm > 80000C số giờ nắng 1400-1600 giờ bức xạ tổng cộng 110-120kcal/cm²/năm, nhiệt độ trung bình năm 20-30⁰C, thấp hơn các nơi khác của miền Bắc. Chế độ nhiệt phân hóa thành 2 mùa: mùa đông và mùa hè. Lượng mưa hàng năm chủ yếu tập trung từ tháng 7 đến tháng 10 và lượng mưa phân bố không đều.

V. Quy mô xây dựng, chỉ tiêu diện tích

1. Quy mô đầu tư

a. Hạng mục phá dỡ:

- Phá dỡ nhà khám chữa bệnh hiện có diện tích 73,7m²
- Phá dỡ nhà bếp+bể nước diện tích 16,7m²

b. Nhà Khám chữa bệnh được thiết kế với chức năng là nơi khám chữa bệnh cho nhân dân trong vùng, cấp công trình cấp III, bậc chịu lửa cấp III.

Nhà khám chữa bệnh hình chữ nhật (02 tầng): Kích thước 27x7,4 m; Chiều cao nền nhà 0,36m, chiều cao cos 0,00 đến đỉnh mái 9,6 m, bao gồm:

-Tầng 1:

+ Phòng tiêm	15,03 m ²
+ Phòng sơ cấp cứu	15,03 m ²
+ Phòng kế hoạch hóa gia đình	15,03 m ²
+ Phòng tiệt trùng	7,21 m ²
+ Phòng đẻ	16,68 m ²
+ Phòng vệ sinh	14,80 m ²
+ Phòng trực	15,03m ²
+ Phòng lưu bệnh nhân phụ sản	15,03m ²

-Tầng 2:

+ Phòng khám đông y	15,03 m ²
+ Phòng khám tây y	15,03 m ²
+ Phòng xét nghiệm	15,03 m ²
+ Phòng kho thuốc và thiết bị y tế	15,03 m ²
+ Phòng tu vấn tuyên truyền	15,03 m ²
+ Phòng hành chính	24,27 m ²
+ Phòng vệ sinh	14,80 m ²

- Hành lang rộng 2,3m:

- Chiều cao tầng:	3,6 m.
- Bể tự ngầm	1x1,4x1,6 m
- Bể tự hoại, kích thước	1,8x2,4x1,35 m
- Rãnh thoát nước	44m
- Bể xử lý nước thải	2,22x1,72x2,2m
- Bể chứa nước	

VI. Nội dung và các giải pháp thiết kế

1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế được áp dụng trong TKTC

a. Danh mục các quy chuẩn xây dựng:

- QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 05:2008/BXD Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;
- QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;
- QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng;

- QCVN 02:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- QCVN 09:2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 07: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng chất thải quy hại.

b. Các tiêu chuẩn thiết kế áp dụng:

- TCVN 9344: 2012 Kết cấu BTCT – Đánh giá độ bền;
- TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362: 2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 5574-2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 5575: 2012 Kết cấu thép – tiêu chuẩn thiết kế;
- TC 52 CN-CTYT 0001-2002 Trạm y tế cơ sở - Tiêu chuẩn thiết kế Theo Quyết định 2271/QĐ-BYT ngày 17/6/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn thiết kế trạm Y tế cơ sở - Tiêu chuẩn ngành;
- TCVN 2737: 2020 Tải trọng và tác động;
- TCVN 5687: 2010 Thông gió, điều hòa không khí – tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 16: 1986 Chiếu sáng nhân tạo trong công trình công cộng;
- TCVN 9207: 2012 Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9206: 2012 Đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng – tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7114-1: 2008, Ecgonômi. Tiêu chuẩn chiếu sáng bên trong công trình.
- TCVN 7114-3: 2008, Ecgonômi. Chiếu sáng nơi làm việc phân yêu cầu chiếu sáng an toàn và bảo vệ tại những nơi làm việc ngoài nhà.
- TCXD 29: 1991 Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7447: 2010 Hệ thống lắp điện hạ áp;
- TCVN 9385: 2012 Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;
- TCVN 2622: 1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – yêu cầu thiết kế;
- TCVN 6102: 1996 Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, chất bột khí;
- TCVN 7435 – 1: 2004 Phòng cháy, chữa cháy – bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy phân 1: Lựa chọn và bố trí.
- TCVN 4474: 1987 Thoát nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513: 1988 Cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957: 2008 Thoát nước – mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7222: 2002 Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung;

2. Giải pháp quy hoạch tổng mặt bằng và các giải pháp thiết kế xây dựng

2.1. Giải pháp quy hoạch tổng mặt bằng

Khu đất xây dựng Trạm Y tế xã Bắc Thủy nằm trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã.

Bố trí nhà khám chữa bệnh chữ nhật nằm ở trong khu đất, có mặt chính hướng Tây Nam;

2.2. Các giải pháp thiết kế

* Nhà khám chữa bệnh 02 tầng: Xây mới nhà 02 tầng, cao 9,6m;

- Giải pháp thiết kế mặt bằng:

Nhà trạm Y tế xã có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước theo tim 27,0x7,4 m, chiều cao đến đỉnh mái 9,6 m.

- Giải pháp kiến trúc: Mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước theo tim tường (27,0x7,4)m. Chiều cao so với mặt sân: Chiều cao tôn nền 0,36m; tầng 1 cao 3,6m; tầng 2 cao 3,6m; chiều cao công trình (tính đến đỉnh mái) 9,6m. Mái dốc, lợp tôn dày 0,4mm; xà gồ bằng thép hộp mạ kẽm (80x40x1,4)mm gác trên tường thu hồi.

- Giải pháp kết cấu chính: Móng đơn bê tông cốt thép có giằng móng bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200; móng và tường xây bằng gạch không nung kích thước (220x105x65)mm, vữa xi măng cát mác 50; cột, dầm, sàn tầng 2, sàn mái bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200.

- Giải pháp hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch granite kích thước (600x600)mm; phòng vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn kích thước (300x300)mm; cửa đi, cửa sổ dùng cửa sắt hộp mạ kẽm sơn tĩnh điện, kính dày 5mm; tường trong và ngoài nhà lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ (sơn 2 màu chủ đạo là vàng nhạt và vàng đậm).

- Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

+ Giải pháp cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ giếng khoan xây có sẵn, từ giếng dùng bơm (Q=3,6m³/h, H=15m) bơm lên téc chứa nước đặt trên sàn mái (dung tích 3m³) bằng ống nhựa đường kính d=32mm; từ bể chứa nước cấp xuống cho các thiết bị vệ sinh bằng ống nhựa đường kính d=32mm, d=20mm; hệ thống ống và phụ kiện bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R và phụ kiện đồng bộ.

+ Giải pháp thoát nước:

Thoát nước mái bằng ống d=110mm, Thoát nước sàn, nước từ các lavabo nhà vệ sinh được thoát ra rãnh thoát nước có sẵn phía sau nhà khám chữa bệnh bằng ống nhựa đường kính d=90mm. Thoát nước (xí, tiêu) được thu vào bể tự hoại, sau khi xử

lý được thoát ra bề tự ngầm bằng đường ống $d=90\text{mm}$. Toàn bộ hệ thống thoát nước dùng ống nhựa PVC.

- Giải pháp cấp điện:

Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ cột điện hạ áp gần ủy ban xã. Từ điểm đấu nối, cáp đến tủ điện tổng đặt tại nhà khám chữa bệnh (tủ điện bố trí khu cầu thang), dùng dây dẫn loại $(2 \times 25)\text{mm}^2$. Từ tủ điện tổng, điện được cấp cho atomat tổng tầng 1 (tủ điện tầng 1 đặt chung hộp với tủ điện tổng) và tủ điện tổng tầng 2 (đặt tại khu chiếu nghỉ cầu thang) dùng dây dẫn loại $(2 \times 6)\text{mm}^2$; cấp đến các phòng dùng dây dẫn tiết diện $(2 \times 4)\text{mm}^2$; cấp cho bóng đèn, quạt điện dùng dây dẫn loại $(2 \times 1,5)\text{mm}^2$; cấp cho ổ cắm dùng dây dẫn loại $(2 \times 2,5)\text{mm}^2$. Toàn bộ dây dẫn trong phòng được bọc trong ống bảo hộ đường kính $d=16\text{mm}$ và $d=27\text{mm}$ đi ngầm tường, ngầm sàn.

- Giải pháp thiết kế chống sét: Kim thu sét dùng sắt tròn đường kính $d=16\text{mm}$ dài 1,0m đặt trên đỉnh mái công trình; dây dẫn sét dùng sắt tròn, đường kính $d=10\text{mm}$; cọc tiếp địa bằng thép hình L($63 \times 63 \times 6$)mm, dài 2,5m; hàn nối các cọc tiếp địa bằng thép tròn, đường kính $d=12\text{mm}$; điện trở nối đất $R_{nd} \leq 10\Omega$.

- Giải pháp thiết kế phòng cháy chữa cháy: Hệ thống báo cháy tự động gồm: Tủ đựng 04 bình chữa cháy ABC MFZL4 và CO₂; nội quy + tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy.

- Bể tự hoại: Bố trí phía dưới nhà vệ sinh, kích thước bể $(1,8 \times 2,4 \times 1,35)\text{m}$; lót đáy bể bằng bê tông đá $(2 \times 4)\text{cm}$, mác 150, dày 10cm; đáy bể bằng bê tông cốt thép đá $(1 \times 2)\text{cm}$, mác 200, dày 10cm; thành xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát bể bằng vữa xi măng mác 75; nắp tấm đan bằng bê tông cốt thép đá $(1 \times 2)\text{cm}$, mác 200, dày 10cm.

- Bể tự ngầm: Bố trí bên cạnh nhà khám chữa bệnh, kích thước bể $(1,4 \times 1,0 \times 1,6)\text{m}$ đặt chìm; thành bể xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50, dày 110mm; trát bể bằng vữa xi măng. Trong bể được bố trí được giải các lớp từ đáy bể lên gồm lớp gạch xếp dày 200mm, lớp gạch vỡ $(60 \times 60\text{mm})$ dày 150mm, lớp gạch vỡ $(30 \times 30\text{mm})$ dày 150mm, lớp than xỉ dày 150mm, lớp than củi dày 150mm. Bể gồm 2 đầu 1 đầu đưa nước thải vào và qua một máng bê tông kích thước là $300 \times 200\text{mm}$ và 1 đầu ra của máng bê tông khi không thấm được hết sẽ tràn ra rãnh thoát nước. Nắp bể được làm bằng tấm đan có kích thước $1\text{m} \times 0,46\text{m}$ dày 100mm gồm 3 tấm và được làm bằng bê tông cốt thép mác 200# đá 1x2.

+ Bể xử lý nước thải: Được bố trí bên cạnh nhà trạm và bể tự ngầm. Có kích thước phủ bì là $2,22 \times 1,72\text{m}$ cao 2,2m đặt chìm. Bể được xây bằng gạch mác 75# vữa xi măng mác 50#. Trong bể được xây chia làm 2 ngăn. Đáy bể và nắp bể được làm bằng Bê tông cốt thép mác 200# đá 1x2. Trong bể được trát vữa xi măng mác 75 dày

15mm, lòng đáy bê được láng vữa xi măng mác 75# dày 20mm.

+ Rãnh thoát nước: Có chiều dài 44m. Bề rộng thông thủy 0,3m, sâu 0,35m. Đáy rãnh được đổ bê tông mác 150# đá 4x6. Thân rãnh được xây gạch mác 75# dày 110mm và vữa xi măng mác 50#. Nắp rãnh có kích thước 1x0,52m dày 100mm và được làm bằng bê tông cốt thép mác 200 đáy 1x2. Hai bên thành trong rãnh được trát vữa xi măng mác 75# dày 20mm, lòng rãnh được láng vữa xi măng mác 75# dày 2m.

- Bể chứa nước: Bể chứa nước có mặt bằng hình chữ nhật, có kích thước tim tường 2,5 x 2,0 m. Bể nước cao 1,6m; Đáy bể bằng BTCT, lòng bể láng vữa xi măng.

2.3. Thuyết minh tính toán giải pháp điện, nước, chống sét, phòng cháy chữa cháy.

1. Tiêu chuẩn chiếu sáng bên trong TCVN 7114:2002;

- Tiêu chuẩn đặt đường dây dẫn trong nhà ở và công trình công cộng, tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 9270:2012;

- Tiêu chuẩn đặt đường dây dẫn trong nhà ở và công trình công cộng, tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 9206:2012.

Tài liệu kỹ thuật đèn huỳnh quang 40W, đèn compact- của công ty Điện Quang.

2 . Mô tả công việc tính toán và chọn cáp đồng được liệt kê danh sách sau:

+ Độ rọi tính toán theo tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo bên trong công trình dân dụng, chọn $E_{tc} = (50-100-300-500)lux$

+ Phòng làm việc : 300 lux

+ Hành lang : 50 lux

+ Cơ sở tính toán độ rọi cho từng phòng làm việc:

$$F_t = E * S * K_{dt}/\eta * K_{ld} \text{ (lumen)}$$

E: Độ rọi yêu cầu (lux)

S: Diện tích phòng (m²)

$$K_{dt} = 1,3$$

$$\eta = 0,85$$

$$K_{ld} = 0.9$$

$$\Rightarrow F_t/F_d \text{ (số bóng đèn)}$$

Số đèn được quy về đèn huỳnh quang(40W), đèn compact (18W)

Căn cứ vào công thức trên ta tính được số đèn cho từng phòng.

- Phòng làm việc điển hình:

$$F_t = 300 * 13,57 * (1,3/0.85) * 0,9 = 5603,6 \text{ (lm)}$$

Chọn đèn huỳnh quang 2 bóng 2x40W có quang thông là 2650 lm.

$$\Rightarrow \text{Số đèn: } F_t/F_d = 5603.6/2650 = 2.11 \text{ đèn.}$$

\Rightarrow Chọn số đèn chiếu sáng cho phòng làm việc điển hình có diện tích 13,57m² là 4 bóng đèn;

Ổ cắm lẻ được tính toán ở mức 300W/ ổ cắm

Công suất cơ bản: $P_{cb} = P_{đèn} + P_{\text{ổ cắm}}$

Nguyên tắc chọn:

Từ phụ tải- hộp điện phòng - tủ điện tổng.

Hệ số k đồng thời = 0,85 được xem xét khi tính toán đối với compact tổng tủ điện các khối và aptomat tổng tủ điện chính.

Hệ số phụ tải $\cos\varphi = 0,85$.

Các đường dây 1 pha được tính toán vị trí pha đầu vào nhằm đảm bảo hệ thống điện làm việc.

+ Tiết diện đường dẫn điện trong nhà được lựa chọn theo điều kiện phát nóng cho phép, kiểm tra theo điều kiện tổn thất điện áp và điều kiện phối hợp với thiết bị bảo vệ.

+ Dòng điện cho phép của dây dẫn đảm bảo điều kiện $I_{cp} > I_{tt}$.

Lựa chọn aptomat thiết bị bảo vệ: dòng điện lâu dài cho phép của dây dẫn được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau : $I_{cp} \geq I_{ap}/K_{hc}$.

- I_{ap} : là dòng điện định mức của Aptomat (A)

- K_{hc} : là hệ số điều chỉnh dòng điện lâu dài của dây dẫn, cấp điện theo nhiệt độ của môi trường, phương pháp lắp đặt và số mạch làm việc song song.

+ Số lượng bóng đèn huỳnh quang: $2 \times 40W (2 \text{ bộ}) = 160W$

+ Số lượng ổ cắm trong phòng: $4 \text{ ổ} = 1200W$

Dòng điện chạy trên dây dẫn áp dụng công thức:

$I_{lv} = P_{cb}/U$ (A)

I_{lv} : Dòng điện làm việc của dây dẫn (A)

P_{cb} : Công suất cơ bản (W)

U : Điện áp nguồn 1 pha (220V)

+ Đèn huỳnh quang: $I_{lv} = 160/220 = 0,72$ A. Chọn dây dẫn có tiết diện $2 \times 1,5mm^2$.

+ Ổ cắm: $I_{lv} = 1200/220 = 5,45$ A Chọn dây dẫn có tiết diện $2 \times 2,5mm^2$.

Chọn aptomat bảo vệ: $I_{bv} > I_{lv} * 1,5 - 1,5$: Hệ số khởi động của thiết bị bảo vệ đèn huỳnh quang: $I_{bv} > 0,72 * 1,5 = 1,09A$

Bảo vệ ổ cắm phòng : $I_{bv} = 5,45 * 1,5 = 8,18A$.

=> Chọn aptomat bảo vệ các phòng 16A

+ Căn cứ cách tính trên thì công suất của toàn nhà như sau: $P_{cb} = P_{đèn} + P_{\text{ổ cắm}}$

- Chiếu sáng trực (1-10) tầng 1 : $P_{cb} = 1,98$ KW

- Chiếu sáng trực (10-11) tầng 1 : $P_{cb} = 2,768$ KW

- Chiếu sáng trực (1-10) tầng 2 : $P_{cb} = 1,98$ KW

- Chiếu sáng trực (10-11) tầng 2 : $P_{cb} = 2,768$ KW

- Chiếu sáng đèn hành lang : $P_{cb} = 0,85$ KW

- Máy bơm nước: : $P_{cb} = 0,5$ KW

Tổng cộng: $P_{cb} = 11,887 \text{ KW}$

+ Tính toán aptomat bảo vệ cho 1 tầng chiếu sáng 1 pha :

$$I_{lv} = 2,768/0,22 = 12,58 \text{ A}$$

Chọn aptomat bảo vệ cho 1 tầng chiếu sáng: $I_{bv} = 12,58 * 1,5 = 18,87 \text{ A}$
chọn aptomat bảo vệ 25A.

+ Tương tự tính toán Aptomat tổng bảo vệ cho tòa nhà:

- Công thức: $I_{lv} = P * K_{dt} / \sqrt{3} U * \cos\varphi$; K_{dt} : hệ số đồng thời của tòa nhà

Trong đó:

P: công suất cơ bản (kw);

U: Điện áp nguồn 3 pha (380V)

$\cos\varphi = 0,85$

- Áp dụng công thức: $I_{lv} = P * K_{dt} / \sqrt{3} U * \cos\varphi = 11,887 / \sqrt{3} * 0,38 * 0,85 = 19,138 \text{ A}$

Chọn Aptomat bảo vệ cho toàn nhà: $I_{bv} = 19,138 * 1,5 = 28,7 \text{ A}$ chọn Aptomat 60A.

Bảng tra tiết diện dây dẫn:

Tiết diện (mm ²)	Dòng điện phụ tải (A) và dây cáp		
	1 lõi	2 lõi	3 lõi
1,5	23	19	19
2,5	30	27	25
4	41	38	35
6	50	50	42
10	80	70	55
16	100	90	75
25	140	115	95

Dây dẫn đến đèn huỳnh quang, quạt trần chọn dây đồng có tiết diện tối thiểu $2 \times 1,5 \text{ mm}^2$;

Dây dẫn đến ổ cắm chọn dây đồng có tiết diện $2 \times 2,5 \text{ mm}^2$;

Dây dẫn rẽ vào các phòng chọn dây đồng có tiết diện $2 \times 4 \text{ mm}^2$;

3. Phần chiếu sáng khu vực làm việc, văn phòng có độ rọi tối thiểu 300lux và sử dụng đèn huỳnh quang ánh sáng ban ngày.

4. Nguồn điện cấp cho công trình lấy cột điện hạ thế gần trạm xá sử dụng cáp điện CU/XLPE/PVC $2 \times 16 \text{ mm}^2$ đi ngầm

2.4. Thuyết minh giải pháp thiết kế phần nước

1. Tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 7222: 2002 Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung;

- TCVN 7957: 2008 Thoát nước – mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4474 : 1987 Thoát nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513 : 1988 Cấp thoát nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế;
- QCVN 14 : 2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Hệ thống cấp nước phải đảm bảo các quy định trong tiêu chuẩn TCVN 4513: 1988;

2. Kết quả tính toán và giải pháp thiết kế:

a) Cấp nước:

- Cấp nước vào bể chứa của trạm y tế và bể chứa của bếp được đầu nối từ đường ống cấp nước tự chảy, dùng máy bơm bơm trực tiếp lên bể nước trên mái, sau đó cấp xuống các thiết bị nước khu vệ sinh trong nhà.

+ Xác định dung tích kết nước trên mái:

Theo tiêu chuẩn dùng nước, áp lực tự do (trong mục 3.1) tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt lớn nhất trong ngày cho một trạm y tế, tiêu chuẩn dùng nước nhiều nhất cho 1 người từ 15 đến 20 lít/ngày tạm tính số lượng cán bộ nhân viên và bệnh nhân tại trạm trung bình là 23 người/ngày, vậy lượng nước trung bình trong 1 ngày : 23 người x 15 lít = 345 lít. Do đó có thể chọn bể nước trên mái có dung tích 2000 lít đủ dùng trong 5 ngày và để giãn thời gian dài mở máy bơm phòng khi có sự cố xảy ra;

+ Chọn máy bơm: bể nước trên mái có chiều cao là 7,2 m, bể có dung tích là 3m³, chọn máy bơm có L = 3,6 m³/h, hút sâu 9m đáy cao 30m.

+ Xác định dung tích bể chứa nước: Dung tích của bể chứa nước phục vụ cho công trình được tính theo công thức (mục 8.11)

$$W = 1,5 Q/n$$

Trong đó:

W là dung tích của bể chứa nước sinh hoạt

Q là lượng nước sinh hoạt cần dùng trong một ngày của công trình;

N là số lần đóng mở máy bơm bằng tay trong ngày.

Vậy dung tích của bể chứa nước là: $W = 15 \times 0,35/1 = 0,52m^3$.

Công trình xây bể chứa nước có dung tích 5,7 m³ để dự phòng khi cần nhiều nước, và thời gian nguồn cung cấp nước có sự cố.

Nước cấp cho các thiết bị vệ sinh từ bể nước trên mái xuống

- Ống cấp nước sử dụng ống PP-R

+ Phần tính toán:

Toàn bộ trạm y tế xã tạm tính có 6 người (cán bộ + nhân viên), với tiêu chuẩn dùng nước $Q_1 = 15$ lít/người/ngày

- Lượng nước phục vụ sinh hoạt trong 1 ngày:

$$Q = (N \times Q_1) / 1000 = 0,35m^3;$$

- Nhu cầu dùng nước sinh hoạt trong ngày dùng nước nhiều nhất:

$$Q_{ngd}^{max} = Q_{ngd}^{tb} \times K_{ngd}^{max};$$

$$Q_{ngd}^{\max} = 0,35 \times 1,5 = 0,53 \text{ m}^3/\text{ngày};$$

Tốc độ dòng chảy, lưu lượng nước tính toán tròn 1 giây của các thiết bị vệ sinh trong công trình theo tiêu chuẩn thiết kế:

- Kết nước ở bệ xí: 0,1 lít/giây;
- Vòi chậu rửa mặt: 0,07 lít/giây;
- Vòi nước ở tiểu treo: 0,035 lít/giây;

Tổng số đương lượng của các thiết bị vệ sinh trong trạm là:

$$N=2 \times (0,33 \times 2 + 0,17 \times 3 + 0,5 \times 2 + 0,3 + 1 \times 2) = 9$$

Đường ống cấp nước trong công trình được trọn phụ thuộc vào tổng số đương lượng của các thiết bị vệ sinh trong nhà.

Do đó chọn đường ống cấp nước cho từng thiết bị vệ sinh là ống d20 theo tiêu chuẩn TCVN 4513 – 1988 (Mục 6.6). Đường ống đứng cấp nước cho vệ sinh tầng 1 là ống D32, đường ống đứng cấp nước cho vệ sinh cả 2 tầng là ống D32, cấp nước ra từ bể là D32.

b) Thoát nước:

* Thoát nước mưa:

- Nước mưa trên mái được thu bằng các ống đứng D110 xuống hệ thống rãnh chạy quanh nhà, thoát vào hố ga và thoát ra hệ thống thoát nước chung.

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ các chậu xí thu bằng ống D110 và tiểu thu bằng ống D48 về ống đứng D110 thoát xí đặt trong hộp kỹ thuật chảy về ngăn chứa bể tự hoại đặt ngầm dưới đất. Nước sau bể tự hoại được dẫn ra hố ga và thoát ra ngoài.

- Nước thải từ các chậu rửa, phễu sàn thu bằng ống D60 về ống đứng D90 thoát nước rửa và ra rãnh thoát nước của nhà, sau đó thoát vào hố ga và thoát ra ngoài.

- Ống thông hơi dùng ống D48 đặt nối tiếp trên ống đứng thoát xí (nối bằng côn thu), thông hơi vượt lên mái.

- Tất cả các ống thoát nước thải sử dụng ống PVC.

Toàn bộ ống thoát (đường kính, độ dốc) lấy đúng theo tiêu chuẩn (mục 2.2 bảng 1).

Tất cả các chi tiết cấp, thoát nước, thông kê vật liệu được thể hiện chi tiết trong bản vẽ thi công.

2.5. Thuyết minh giải pháp thiết kế phần chống sét

1 – Chống sét cho các công trình xây dựng tiêu chuẩn thiết kế, kiểm tra và bảo vệ hệ thống: TCVN 9385:2012;

2 – Tính toán chống sét lấy điện trở suất của đất $\rho = 1 \times 10^4 \Omega$;

3 – Chống sét dùng hình thức kim + lưới thu sét kết hợp kim thu sét dùng sắt tròn $\Phi 16$ dài 1m đầu vót nhọn mạ kẽm, hàn vào các xà gồ đỉnh mái 0,1m. Kim được lồng trong ống sứ hình quả bầu chống thấm cho chân kim. Hàn toàn bộ các xà gồ

thép bằng mỗi hàn cầu nối thành khung dẫn sét. Dây sét dẫn xuống dùng sắt tròn $\Phi 10$. Phần chống sét lộ ngoài trời sơn 3 nước sơn chống gỉ (trừ đầu kim mạ crom);

4 – Dây nối đất dùng sắt tròn $\Phi 12$ đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Cọc nối đất sắt góc 63x63x6 dài 2,5m đầu vót nhọn đóng sâu vào lòng rãnh nối đất. Đầu trên của cọc cách dây rãnh 0,2m lấp rãnh nối bằng đất mịn đầm kỹ, dây xuống hàn với dây nối đất ở độ cao 0,5m.

5- Hàn hệ thống chống sét bằng mỗi hàn cầu nối 2 mặt, chiều dài mỗi hàn không nhỏ hơn 6 lần đường kính với sắt tròn và 4 lần bề rộng với sắt dẹt. Các xà gồ thép hàn điện liên tục để dẫn dòng điện sét.

6 – Khi thi công chú ý tránh hệ thống chống sét với đường dây, đường ống đảm bảo khoảng cách an toàn.

7 – Đo kiểm tra điện trở nối đất $R_{nd} \leq 10 \Omega$.

2.6. Thuyết minh giải pháp thiết kế phần phòng cháy chữa cháy

1. Tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 6102 : 1996 Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, chất bột khí;
- TCVN 7435–1: 2004 Phòng cháy, chữa cháy – bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy phân 1: Lựa chọn và bố trí.

2. Kết quả tính toán và giải pháp thiết kế:

+ Công trình bậc chịu lửa: bậc III, giải pháp phòng cháy sử dụng 4 bình chữa cháy cho 1 tầng loại ABC MFZL4 TQ, được đặt trong hộp và gắn trên tường tại vị trí giữa nhà để thuận tiện cho quá trình sử dụng

+ Trước mỗi hộp đặt bình chữa cháy có 1 tiêu lệnh + nội quy PCCC hướng dẫn sử dụng cũng như giải pháp khi gặp sự cố.

2.7. Đánh giá tác động môi trường và giải pháp xử lý

- Nghị định 18/2015/NĐ- CP về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

a. Dự báo tác động môi trường khi thực hiện dự án.

- Giai đoạn xây dựng:

+ Tiếng ồn và độ rung do sử dụng các loại máy thi công.

+ Phát sinh khói bụi khi nắng và lầy lội khi mưa.

+ Phát sinh phân đất đá rơi vãi khi thi công.

+ Phần phế thải từ phá dỡ khi đổ đi. (vị trí đổ cách địa điểm xây dựng công trình 3km).

+ Phần rác thải của công trường.

(Nói chung các hoạt động trên chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn)

- Giai đoạn khai thác:

Đánh giá: Dự án này có quy mô nhỏ, các hoạt động ảnh hưởng đến môi trường ở mức độ thấp, không gây nguy hiểm và không ảnh hưởng nhiều đến môi trường

sinh thái. Việc thực hiện dự án có tác động tiêu cực rất nhỏ đến môi trường.

b. Các giải pháp giảm thiểu tác động tới môi trường.

- Giai đoạn xây dựng:

+ Xe chở vật liệu phải có bạt phủ kín.

+ Đẩy nhanh tiến độ thi công.

+ Đất đá, vật liệu thi công thừa sau khi thi công xong phải thu dọn ra ngoài phạm vi thi công (Đổ vào nơi quy định) đảm bảo vệ sinh môi trường. Hạn chế tối thiểu khối lượng đất đổ rơi vãi xuống ruộng, vườn của nhân dân và các dòng chảy tự nhiên trên tuyến.

+ Sau khi thi công xong công trình phải tiến hành dọn vệ sinh môi trường khu vực thi công.

- Giai đoạn khai thác sử dụng:

Sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ thu gom được nước thải sinh hoạt của khu dân cư hạn chế được ô nhiễm môi trường sống do nước thải sinh hoạt của khu dân cư thải ra.

VI. Kinh phí xây dựng

1. Các căn cứ để lập tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ thiết kế thi công;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng. Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng. Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước

- Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

- Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 Về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng. Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ tài chính.

- Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn Về việc công bố xếp loại đường bộ địa phương năm 2018 để xác định cước vận tải trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Quyết định số 640/QĐ-BGTVT ngày 04/04/2011 của Bộ Giao thông Vận tải Về việc xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ năm 2011.

- Quyết định số 11./QĐ-SXD ngày 15/01/2023 của Sở xây dựng về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Quyết định số 12./QĐ-SXD ngày 15/01/2023 của Sở xây dựng về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Thông báo giá VLXD số 01/CBGVLXD-SXD ngày 15/01/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn;

- Một số đơn giá và chi phí không có trong thông báo giá của tỉnh Lạng Sơn được lấy theo giá thị trường, báo giá của nhà sản xuất và đơn giá của công trình khác tương tự.

2. Chi phí xây dựng hạng mục: 2.890.158.767 đồng

(Bằng chữ : Hai tỷ, tám trăm chín mươi triệu một trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng./.)

VII. Phân tích nguồn vốn xây dựng

Nguồn vốn: vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác

VIII. Kế hoạch thực hiện dự án

Thời gian hoàn thành dự án dự kiến phân bổ như sau:

- Quý IV năm 2022: Hoàn thành các bước chuẩn bị đầu tư và khởi công, xây dựng công trình;

- Năm 2023: Hoàn thành và đưa vào sử dụng ;

IX. Hình thức quản lý dự án

Chủ đầu tư trực tiếp Quản lý và thực hiện dự án.

XI. Phương thức thực hiện dự án

- Khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Chỉ định thầu;

- Xây lắp: Đấu thầu rộng rãi

- Các gói thầu tư vấn: Chỉ định thầu.

XII. Kết luận và kiến nghị

Trên đây là nội dung chính nhiệm vụ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng (Hạng mục: Trạm y tế xã Bắc Thủy, huyện Chi Lăng).

Kính đề nghị ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng xem xét, trình UBND huyện phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình để công trình sớm được triển khai thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO TRẠM Y TẾ

TUYẾN XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHI LĂNG

(HẠNG MỤC: TRẠM Y TẾ XÃ CHIẾN THẮNG)

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ:

1. Những căn cứ pháp lý:

- Luật xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội khoá XIII, kỳ họp thứ 7;
- Luật xây dựng số 62/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội khoá XIV, Quốc hội ban hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 35/2016/QH14 và Luật số 40/2019/QH14;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Thông tư số 09/2019/TT-BXD của Bộ xây dựng ngày 26/12/2019 về việc hướng dẫn lập xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế áp dụng, tham khảo:

2.1. Danh mục các quy chuẩn:

- Quy chuẩn QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- QCVN 03: 2012/XD Về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- QCXDVN 05: 2008/BXD Nhà ở và công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khỏe.
- QCVN 12: 2014 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình.

2.2. Danh mục các tiêu chuẩn:

*** Thiết kế kiến trúc:**

- TCVN 4319-2012: Tiêu chuẩn thiết kế Nhà và công trình công cộng.
- TCVN 9366-2:2012: về cửa đi cửa sổ - Phần : Cửa kim loại.
- TCVN 7022-2002: Trạm y tế cơ sở yêu cầu thiết kế;
- Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 Ban hành Hướng dẫn thiết kế cơ bản trạm y tế xã, phường, thị trấn

*** Thiết kế kết cấu:**

- TCVN 9344: 2012 Kết cấu BTCT – Đánh giá độ bền;
- TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362: 2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 5574 - 2018 Kết cấu BTCT Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575: 2012 Kết cấu thép – tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 2737: 2020 Tải trọng và tác động;
- TCVN 6477: 2016 về gạch bê tông;
- TCVN 9377-1:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu.
Phần 1 công tác lát và láng trong xây dựng;
- TCVN 9377-2:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu.

Phần 2 công tác trát trong xây dựng;

- TCVN 9377-3:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu.

Phần 3 công tác ốp trong xây dựng;

- TCVN 9404:2012 Sơn xây dựng – phân loại;
- TCVN 9405:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu.

Phần 3 công tác ốp trong xây dựng;

- Căn cứ vào các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

*** Thiết kế điện, chống sét:**

- TCVN 9207- 2012: Đặt dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng.
- TCVN 9206: 2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở & công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7114: 2008 Đặt thiết bị điện trong nhà ở & công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- + QCVN 09: 2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.
- TCXD 29: 1991 Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng. Tiêu chuẩn thiết kế;
- Bộ tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam TCVN 7447: Tiêu chuẩn thiết kế, lắp đặt trang thiết bị điện trong các công trình xây dựng - Phần an toàn điện;
- TCVN 9385:2012 - Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;
- Căn cứ vào các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

*** Phòng cháy chữa cháy:**

- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- TCVN 2622: 1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 7026: 2013 (ISO 7165:1999) Chống cháy – Bình chữa cháy xách tay – Tính năng và cấu tạo;

- TCVN 9310-3: 2012 Phòng cháy chữa cháy – Tủ vừng – Thiết bị chữa cháy.

- TCVN 6102: 1996 Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, chất bột khí;

- TCVN 7435 – 1: 2004 phòng cháy, chữa cháy – bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy phần 1: Lựa chọn và bố trí.

- TCVN 3890-2009 Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – trang trí, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

- Căn cứ vào các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

3. Sự cần thiết phải đầu tư:

Trạm Y tế xã đóng một vai trò quan trọng trong hệ thống Y tế chung của cả nước là nơi thực hiện việc sơ cấp cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho người dân trước khi chuyển lên tuyến trên;

Với sự phát triển nhanh chóng trên mọi mặt kinh tế - xã hội, nhu cầu về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn xã cũng ngày một tăng lên;

Bên cạnh đó công tác thực hiện chuẩn quốc gia Y tế xã giai đoạn 2001-2010 còn bộc lộ nhiều hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Chất lượng chăm sóc về Y tế thấp, không bền vững, năng lực hoạt động của các xã còn nhiều hạn chế. Việc đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa các trạm Y tế xã để đáp ứng tiêu chí của Chuẩn chưa có nguồn vốn để thực hiện chỉ có 43% các nhà Trạm tạm đủ điều kiện để triển khai tối thiểu 5-7 phòng chức năng theo Chuẩn còn lại nhiều nhà trạm xuống cấp nghiêm trọng, thiếu nhiều phòng chức năng. Phần lớn các nhà trạm được xây dựng từ trước năm 2000 với quy mô nhà cấp 4 có số phòng chức năng chỉ khoảng từ 5-7 phòng. Đồng thời diện tích xây dựng của các trạm cũng thường chỉ vào khoảng 50-80m² không đáp ứng yêu cầu của Bộ Tiêu chí quốc gia về Y tế xã.

Trang thiết bị của các trạm Y tế hiện nay vừa thiếu lại cũ và lạc hậu không đồng bộ và không đủ theo danh mục quy định của Bộ Y tế (chỉ đáp ứng được 30%-40%). Phần lớn các trang thiết bị này được cung cấp từ nhiều nguồn vốn khác nhau và một số trang thiết bị hiện nay đã xuống cấp không sử dụng được gây nhiều khó khăn cho cán bộ Y tế để thực hiện việc khám, điều trị bệnh nhân, thực hiện công tác chăm sóc

sức khỏe sinh sản và chăm sóc trẻ em. Các trang thiết bị như kính hiển vi máy xét nghiệm, máy điện tim, máy siêu âm thì không trạm Y tế xã nào có;

Với thực trạng hiện nay của các trạm Y tế xã, đặc biệt là tình trạng thực tế của các trạm Y tế xã thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thì cơ sở hạ tầng và điều kiện trang thiết bị chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng cao. Hiện nay số lượng khám chữa bệnh tại tuyến xã chiếm tới 50 - 60% tổng số khám bệnh chung của toàn tỉnh do vậy khi đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị sẽ giúp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các trạm Y tế xã nói riêng và đối với chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung. Đồng thời khi nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại tuyến xã sẽ tạo điều kiện cho nhân dân được điều trị tại cộng đồng giảm chi phí cho việc phải lên tuyến trên điều trị và góp phần giảm hiện tượng quá tải các bệnh viện tuyến trên;

Để đảm bảo trạm Y tế có quy mô xây dựng và đầu tư trang thiết bị phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã và tiêu chí 15 - Y tế của chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Với lý do trên việc đầu tư Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Chiến Thắng là vô cùng cấp thiết.

II. TÊN CÔNG TRÌNH VÀ HÌNH THỨC ĐẦU TƯ:

1. Tên công trình: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm Y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng (Hạng mục: Trạm Y tế xã Chiến Thắng).

2. Mục tiêu đầu tư:

Nhằm đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh và lưu bệnh nhân, thực hiện tốt các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn xã Chiến Thắng; Đảm bảo cơ sở vật chất cho trạm, đáp ứng về quy mô, diện tích theo Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã.

3. Loại, nhóm dự án; cấp công trình; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:

Hình thức đầu tư: Cải tạo, sửa chữa;

Loại hình đầu tư: Đầu tư công;

Cấp công trình: Công trình cấp III, loại công trình dân dụng

Nhóm dự án: Nhóm C

- Thời gian công trình được dự kiến sử dụng, đảm bảo yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng. theo quy định tại Mục 2.2.1.8 của QCVN 03:2012/BXD công trình dân dụng cấp III là từ 20 năm tới 50 năm.

III- ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT:

1. Địa điểm xây dựng: Xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

2. Vị trí khu đất:

- Địa điểm của công trình nằm tại: Xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng.

* Phạm vi ranh giới:

- + Phía Bắc giáp vườn;
- + Phía Đông giáp nhà dân;
- + Phía Tây giáp nhà dân;
- + Phía Nam giáp đường;

Công trình nằm cách Thị trấn Chi Lăng khoảng 33km.

3. Đặc điểm hiện trạng công trình

- Cơ sở vật chất Trạm Y tế hiện trạng gồm có: Nhà khám bệnh; nhà bếp, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ khác hiện nay các hạng mục công trình đầu đã xuống cấp, không còn đảm bảo sử dụng hiệu quả.

- Nhà khám chữa bệnh quy mô nhỏ, công trình xây dựng lâu năm đã xuống cấp, với mật độ dân số đông hiện tại Trạm Y tế không thể đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân;

- Công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị, cơ sở vật chất hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo điều kiện làm việc cho các cán bộ, nhân viên trong Trạm y tế.

4. Đặc điểm điều kiện về địa hình, khí hậu

a. Đặc điểm địa hình

- Khu đất Trạm y tế mới có địa hình tương đối bằng phẳng ở giữa, xung quanh khu đất là sườn taluy đồi.

b. Đặc điểm khí hậu

- Đặc điểm khí hậu Lạng Sơn là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nhưng mang những nét độc đáo, riêng biệt. Đây là tỉnh có mùa đông lạnh nhất và khô nhất nước ta, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của gió mùa Đông Bắc. Về cơ bản, khí hậu Lạng Sơn vẫn là khí hậu nhiệt đới với tổng nhiệt độ năm > 8000C số giờ nắng 1400-1600 giờ bức xạ tổng cộng 110-120kcal/cm²/năm, nhiệt độ trung bình năm 20-30C, thấp hơn các nơi khác của miền Bắc.

5. Điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn.

a. Đặc điểm địa chất

Khu đất xây dựng có địa chất ổn định. Với cấu tạo địa tầng như vậy thuận lợi cho việc xây dựng các hạng mục công trình (nếu có).

b. Đặc điểm thủy văn

- Lạng sơn có chế độ nhiệt phân hóa thành 2 mùa: mùa đông và mùa hè. Lượng mưa hàng năm chủ yếu tập trung từ tháng 7 đến tháng đến tháng 10 và lượng mưa phân bố không đều;

- Nước mặt: Xung quanh khu vực khảo sát không có sông, suối lớn. Nước mưa chảy theo độ dốc địa hình tập trung về phía sau khu đất của trạm y tế hiện trạng, không có hiện tượng đọng nước về mùa mưa.

IV- QUY MÔ ĐẦU TƯ, CÁC GIẢI PHÁP THIẾT KẾ:

1. Quy mô:

* Hạng mục cải tạo, sửa chữa:

a. Cải tạo, sửa chữa nhà khám bệnh: Diện tích 252,7m², gồm 2 đơn nguyên nhà kích thước tim 6,9x16,2m, 6,9x16,5m chiều cao từ cos 00 đến đỉnh mái 5,27m. Quy mô gồm 10 phòng (Phòng xét nghiệm; Phòng trực; Phòng hành chính; Phòng tiêm; Phòng khám; Phòng kế hoạch hóa gia đình; Phòng đẽ; Phòng cấp cứu; Phòng bệnh nhân; Phòng y học cổ truyền).

b. Cải tạo, sửa chữa nhà bếp: Diện tích 19,85m², kích thước tim 2,98x5,98m, chiều cao từ cos 00 đến đỉnh mái 2,95m.

* Hạng mục thiết kế mới:

+ Xây mới 02 bồn cây;

+ Khoan 01 giếng nước: Chiều sâu 50m;

+ Làm mái che sân: Diện tích 86,5m², kích thước tim cột 3,5x12,6m; 3,5x12,0m.

2. Hiện trạng và các giải pháp thiết kế công trình:

2.1 Hiện trạng công trình:

a. **Nhà khám chữa bệnh:** hình chữ L 1tầng : gồm 2 đơn nguyên nhà kích thước tim 6,9x16,2m, 6,9x16,5m chiều cao từ cos 00 đến đỉnh mái 5,27m;

(Kết cấu tường chịu lực, kết hợp dầm, sàn đổ bê tông cốt thép vẫn còn đảm bảo chưa có hiện tượng sụt lún, nứt kết cấu);

+ Mái tôn, xà gồ vẫn ổn định chưa có hiện tượng han rỉ, thấm dột;

+ Tường, trần trong và ngoài: Lớp vữa trát, lớp vôi ve nhiều chỗ bị mủn, ẩm mốc, lớp vôi ve bị bạc màu;

+ Nền: gạch lát nền bị bạc màu, có hiện tượng nứt vỡ, phòng rộp;

+ Gạch ốp tường: một số phòng bị bạc màu, có hiện tượng nứt vỡ, phòng rộp;

+ Cửa: bản lề bị han rỉ, hỏng, lớp sơn cửa bị bạc màu, một số vị trí cửa bị mủn;

+ Hoa sắt: bị han rỉ, bạc màu;

+ Điện: một số thiết bị điện bị chập cháy;

+ Toàn bộ ống thoát nước mái bị lỏng lẻo, nứt vỡ.....

b. Nhà bếp

(Kết cấu tường chịu lực còn đảm bảo chưa có hiện tượng sụt lún, nứt vỡ);

+ Mái Fibro xi măng bị nứt vỡ, thấm dột nước mưa;

+ Nền gạch bị bạc màu, một số vị trí bị phòng rộp, nứt vỡ;

+ Tường trong và ngoài: bị mủn, ẩm mốc, lớp vôi ve phòng rộp, bạc màu.

c. Hạng mục phụ trợ

+ Bồn cây tường gạch bị nứt vỡ;

+ Nguồn nước cấp cho trạm y tế chưa đảm bảo cần khoan bổ sung 1 giếng

khoan;

- + Chưa có chỗ để tiêm chủng do đó cần làm mới mái che sân.

2.2 Giải pháp thiết kế công trình

*** Hạng mục cải tạo, sửa chữa:**

a. Nhà khám chữa bệnh:

- + Trần phòng khám bằng tấm nhựa khung thép mạ kẽm;
- + Phá lớp láng cũ, lát lại bền bậc tam cấp bằng gạch đất nung có mũi 300x400mm;
- + Đục tẩy lớp láng sê nô cũ, chống thấm lại bằng Sika, láng vữa xi măng mác 100 tạc dốc về ống thoát;
- + Tường, trần trong và ngoài toàn nhà: Phá lớp vữa trát cũ, trát lại bằng vxm #75, lăn sơn 3 nước 1 nước lót 2 nước phủ;
- + Nền toàn nhà: phá nền gạch lát nền cũ, lát lại bằng gạch ceramic 500x500mm;
- + Gạch ốp tường: phá gạch ốp tường các phòng cũ, ốp lại bằng gạch 300x600mm (chi tiết trong bản vẽ);
- + Cửa: thay thế các bản lề, chốt, khóa cửa bị hỏng cửa đi, cạo bỏ lớp sơn gỗ cũ sơn lại bằng sơn 3 nước;
- + Hoa sắt cửa sổ: đánh tẩy rỉ sắt, phun sơn chống rỉ 3 nước;
- + Điện: tháo dỡ một số hệ thống dây, thiết bị điện bị chập cháy, làm mới hệ thống dây, thay mới thiết bị điện (chi tiết trong bản vẽ);
- + Thay mới hệ thống ống thoát nước mái bằng ống PVC D90 + phụ kiện;

b. Nhà bếp

- + Tháo dỡ vì kèo, xà gồ cũ, lắp đặt; vì kèo, xà gồ bằng thép hộp mạ kẽm 80x40x1.4mm;
- + Tháo dỡ mái cũ, lợp mái bằng tôn sóng dày 0.4mm;
- + Tường, trần trong và ngoài toàn nhà: Phá lớp vữa trát cũ, trát lại bằng vxm #75, lăn sơn 3 nước 1 nước lót 2 nước phủ;
- + Phá nền cũ, lát lại bằng gạch đất nung 500x500mm;
- + Điện: tháo dỡ một số hệ thống dây, thiết bị điện bị chập cháy, làm mới hệ thống dây, thay mới thiết bị điện (chi tiết trong bản vẽ);

c. Hạng mục xây mới bổ sung

- + **Bồn cây:** Phá dỡ bồn cũ, xây mới 02 bồn cây đổ bê tông lót đá 2x4cm mác 150 dày 5cm, xây tường bằng gạch không nung 22x10,5x6mm vxm #50, trát tường bằng vxm #75, lăn sơn 3 nước 1 nước lót 2 nước phủ;
- + **Khoan 01 giếng nước:** Sâu 50m bằng máy khoan tự hành 54CV, thổi rửa giếng khoan, lắp đặt hệ thống ống hút nước bằng các ống PVC D140, PVC D125, PVC D40 và các phụ kiện PVC, lắp đặt máy bơm, xây hộc chứa máy bơm bằng gạch không nung, trát bề bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm;

+ **Mái che:** Diện tích 86,5m², bê tông lót móng đá 1x2cm mác 150, bê tông móng đá 1x2cm mác 200, sản xuất, lắp dựng hệ khung cột, vì kèo bằng thép ống mạ kẽm D90x2,5mm, D80x40x1,4mm, xà gồ thép mạ kẽm 60x30x1,4mm, mái lợp bằng tôn sóng dày 0,4mm.

2.3 Giải pháp sử dụng vật liệu

+ Gạch bê tông không nung (kích thước 6,0x10,5x22cm);
+ Xi măng các loại PC30, PC40 trên địa bàn;
+ Thép CB240-T và CB400-V, cát đen modul 0,7-1,4 và modul 1,5-2; cát vàng tiêu chuẩn; Đá 1x2 theo đúng tiêu chuẩn;

+ Các vật liệu chính sử dụng: Xi măng PC40, đá 1x2, cát xây dựng, gạch ốp lát các loại và các vật liệu, phụ kiện khác đưa vào sử dụng trong công trình sử dụng sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ và chứng nhận chất lượng sản phẩm theo quy định hiện hành.

2.4 Nguồn cung cấp vật liệu:

+ Đất đắp: Sử dụng đất đào chọn lọc để đắp (đảm bảo chỉ tiêu cơ lý);
+ Đất thừa, phế thải phá dỡ, hoặc đất không thể dùng để đắp được đổ ra bãi sườn taluy đất vườn của nhà dân nhưng không được làm ảnh hưởng tới môi trường;

+ Đá các loại lấy tại mỏ đá thuộc huyện Chi Lăng, đạt tiêu chuẩn, cự ly vận chuyển trung bình đến công trình 60km;

+ Gạch bê tông không nung tại thị trấn Chi Lăng, cự ly vận chuyển đến công trình 33km;

+ Các loại vật liệu như cát các loại, xi măng các loại, thép các loại, được lấy theo thông báo giá của Sở Xây dựng trên địa bàn huyện Chi Lăng, cự ly vận chuyển trung bình đến công trình 33km;

+ Một số vật liệu không có trong thông báo giá tham khảo giá trên thị trường trong địa bàn trung tâm huyện Chi Lăng và thành phố Lạng Sơn tại thời điểm lập.

V. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG CÔNG TRÌNH (NẾU CÓ)

1. Định vị công trình:

Triển khai công tác định vị mặt bằng công trình, vị trí tìm các cột bằng máy kính vĩ điện tử. Lưu giữ các mốc định vị này bằng các trụ bê tông có đánh số đặt tại các vị trí an toàn hoặc dẫn lên các vật cố định xung quanh vị trí thi công (gửi mốc) bằng sơn màu, Từ các điểm mốc này sẽ làm căn cứ để kiểm tra tìm, cốt công trình trong suốt quá trình thi công.

2. Thi công móng:

- Đào đất hố móng bằng máy kết hợp sửa móng thủ công.
- Đổ bê tông lót móng.
- Công tác gia công và lắp dựng cốt thép móng.

- Công tác cốp pha móng.
- Công tác bê tông móng.
- Công tác xây móng.

3. Thi công bê tông cốt thép:

- Công tác gia công và lắp dựng cốt thép:
 - + Cốt thép được đặt vào trong ván khuôn được cố định chống dịch chuyển tại các vị trí chính xác trong bản vẽ. Tại các vị trí giao nhau, được buộc bằng sợi thép. Đai cốt và thanh nối liên kết chặt vào thanh dọc bằng buộc hoặc hàn chắc. Sợi thép buộc là loại sợi mềm đường kính 0,8mm - 1mm. Đuôi buộc xoắn vào trong.

- + Nối thép: Thực hiện theo chỉ dẫn trên bản vẽ.

- + Hàn thép: Công tác hàn cốt thép được tiến hành phù hợp với TCVN 5724-1993.

- Công tác gia công và lắp dựng ván khuôn:

- + Với ván khuôn gỗ: Loại gỗ dùng cho ván khuôn, kích thước, hình dạng phù hợp với kết cấu xây dựng và được xử lý tốt. Ván khuôn gỗ trước khi dùng lại được rút đinh, làm sạch và sửa chữa trước khi được dùng lại. Ván khuôn thép theo tiêu chuẩn.

- + Kết cấu: Ván khuôn được sản xuất phù hợp với TCVN 5724-1993. Công tác thiết kế ván khuôn đảm bảo kết cấu vững chắc, duy trì ổn định trong suốt quá trình đổ bê tông.

- + Chuẩn bị ván khuôn trước khi đổ bê tông: Mặt trong của ván khuôn phải được quét lớp chống dính. Ngay trước khi đổ bê tông, ván khuôn phải được làm sạch khỏi bụi, bắn bằng vòi phun nước sạch.

- + Tháo ván khuôn: Ván khuôn được tháo không có chấn động và rung. Thời gian tối thiểu cần thiết kể từ khi đổ bê tông tới khi tháo ván khuôn, đối với các phần kết cấu khác nhau theo tiêu chuẩn Nhà nước. Việc tuân thủ yêu cầu này không giải phóng trách nhiệm cho Nhà thầu chậm tiến độ nếu bê tông không đủ độ cứng.

- + Công tác cốp pha được thi công tuân theo TCVN 5724-1993.

- Công tác Bê tông:

- + Nhà thầu sẽ áp dụng đổ bê tông tại chỗ. Thành phần bê tông sẽ đáp ứng đúng yêu cầu chất lượng và mác thiết kế.

- + Nhà thầu sẽ lên kế hoạch đổ bê tông tối thiểu trước 2 ngày để cung cấp kịp lên kế hoạch vận chuyển cung cấp tới công trường.

- + Nhà thầu sẽ bố trí thời gian đổ bê tông tránh giờ cao điểm để tiện cho việc tập kết.

- + Kiểm tra độ sụt và đúc mẫu bê tông theo đúng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Nhà thầu sẽ bố trí một phòng làm việc cho cán bộ thí nghiệm lấy mẫu và

một bể nước thí nghiệm để bảo dưỡng bê tông.

4. Công tác xây:

- Dùng những viên gạch nguyên đã chọn lọc, cường độ theo thiết kế để xây tường chịu lực, các mảng tường cạnh cửa và trục. Gạch vỡ đôi chỉ được dùng ở những chỗ tải trọng nhỏ như tường bao che, tường ngăn, tường dưới cửa sổ .

- Xây tường 220 và 110 đảm bảo ngang bằng, thẳng đứng, mặt phẳng góc vuông, mạch không trùng thành 1 khối đặc chắc, xây 3 dọc 1 ngang, các hàng đặt ngang phải là những viên gạch nguyên. Chú ý xây hàng ngang ở các vị trí :

+ Xây ở hàng đầu tiên

+ Xây ở cao trình đỉnh cột, tường

+ Xây ở đai

+ Thực hiện xây 2 dây tường 220

- Các hàng dọc xây tường gạch rỗng, hàng quay ngang, xây gạch đặc để chống nước thấm vào tường .

- Khi ngừng thi công do mưa bão phải che chắn khối xây cho khỏi bị ướt .

- Chú ý các râu thép liên kết giữa cột và tường gạch

- Không để quá nhiều gạch trên giáo

- Gạch xây phải nhúng nước trước khi xây. Khối xây vuông vắn, thẳng phẳng, mạch nhỏ đều, mặt gạch xây sạch sẽ, khối xây đặc chắc, mác vữa theo thiết kế .

5. Công tác hoàn thiện

- Bên trong theo trình tự : Từ dưới lên và xen kẽ với quá trình thi công thô

- Bên ngoài: Từ trên xuống dưới

6. Thi công phần điện

- Cấp điện cho công trình dùng cáp ruột đồng . Bảo vệ bằng aptômát đặt tại tủ điện, chiếu sáng trong phòng dùng đèn ống và bố trí quạt trần, dẫn điện vào bảng điện, công tắc đèn, quạt, đèn , quạt dùng dây dẫn ruột đồng chôn ngầm tường, trần.

- Đọc kỹ thiết kế kỹ thuật, kết hợp xây dựng cơ bản để đặt rãnh chừa lỗ cho công việc thi công ống bảo hộ và tủ điện đặt ngầm. Lắp đặt ống bảo vệ và thiết bị điện ngầm phải chèn kín bằng vữa xi măng cát. Sau đó tiến hành luồn dây theo chỉ thị của thiết kế kỹ thuật. Sau khi luồn dây xong và đủ hệ thống dây đặt ngầm cho tiến hành đấu nối đầu dây và đấu nối tiếp địa các tủ điện. Sau khi thi công hoàn chỉnh phần ngầm cho tiến hành đo đạc kiểm tra các thông số kỹ thuật. Nếu bảo đảm các qui trình quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật cho lập hồ sơ hoàn công bàn giao các tiêu chí kỹ thuật cho chủ đầu tư.

- Sau khi xây dựng cơ bản hoàn thiện xong mặt tường và trần cho tiến hành lắp thiết bị theo chỉ định của thiết kế kỹ thuật.

- Khi thiết bị đã được lắp đặt hoàn thiện xong cho tiến hành đóng điện thử tải. Lưu ý phải đóng điện dần từng phụ tải, nghiêm cấm việc đóng điện ồ ạt toàn công

trình cùng một lúc. Sau khi đóng điện thử tải công trình an toàn cho tiến hành đo đạc, kiểm tra các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn qui phạm ngành điện. Nếu các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn qui phạm ổn định chứng tỏ công trình thi công đảm bảo chất lượng, cho tiến hành nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng khai thác.

7. Thi công tháo dỡ

- Thi công phá dỡ, tháo dỡ bằng máy kết hợp với thủ công.
- Phá dỡ bằng máy: Sử dụng các loại máy nhỏ, ít gây khói bụi, tiếng ồn;
- Khi thi công phải có biện pháp an toàn cho các hạng mục, công trình lân cận, bảo vệ, che chắn chống khói, bụi.

- Vật liệu tháo dỡ, phế thải phải được tập kết, thu gom gọn gàng không ảnh hưởng tới môi trường, công trình xung quanh;

8. Bảo vệ môi trường:

Căn cứ quy mô đầu tư xây dựng công trình, công trình không phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

* Đánh giá tác động môi trường và giải pháp xử lý

- Nghị định 18/2015/NĐ-CP về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

a) Dự báo tác động môi trường khi thực hiện dự án.

- Giai đoạn xây dựng:

- + Tiếng ồn và độ rung do sử dụng các loại máy thi công.

- + Phát sinh khói bụi khi nắn và lầy lộn khi m-ua.

- + Phát sinh phần đất đá rơi vãi khi thi công.

- + Phần phế thải từ phá dỡ khi đổ đi.

(vị trí đổ cách địa điểm xây dựng công trình trong khoảng cách 40km).

- + Phần rác thải của công trường.

(Nói chung các hoạt động trên chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn)

- Giai đoạn khai thác:

Đánh giá: Dự án này có quy mô nhỏ, các hoạt động ảnh hưởng đến môi trường ở mức độ thấp, không gây nguy hiểm và không ảnh hưởng nhiều đến môi trường sinh thái. Việc thực hiện dự án có tác động tiêu cực rất nhỏ đến môi trường.

b) Các giải pháp giảm thiểu tác động tới môi trường.

- Giai đoạn xây dựng:

- + Xe chở vật liệu phải có bạt phủ kín.

- + Đẩy nhanh tiến độ thi công.

- + Đất đá, vật liệu thi công thừa sau khi thi công xong phải thu dọn ra ngoài phạm vi thi công (Đổ vào nơi quy định) đảm bảo vệ sinh môi trường. Hạn chế tối thiểu khối lượng đất đổ rơi vãi xuống ruộng, vườn của nhân dân và các dòng chảy tự nhiên trên tuyến.

+ Sau khi thi công xong công trình phải tiến hành dọn vệ sinh môi trường khu vực thi công.

- Giai đoạn khai thác sử dụng:

Sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ thu gom được nước thải sinh hoạt của khu dân cư hạn chế được ô nhiễm môi trường sống do nước thải sinh hoạt của khu dân cư thải ra.

VI. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ.

1. Các căn cứ lập tổng mức đầu tư:

1.1 Các văn bản:

- Hồ sơ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nhật Nhật.

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 06/2021/NĐ - CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì xây dựng công trình.

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.

- Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020, của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng V.v Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ xây dựng V.v Ban hành định mức xây dựng.

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định

mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

- Quyết định số 640/QĐ-BGTVT ngày 04/04/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải v/v xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ năm 2011.

- Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn công bố xếp loại đường bộ địa phương năm 2018 để xác định cước vận tải trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Quyết định số 11/QĐ-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2022 về việc công bố đơn giá nhân công tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 12/QĐ-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2022 về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

1.2 Định mức

- Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng ban hành theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng.

- Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần Lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng.

- Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần sửa chữa và bảo dưỡng công trình theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng.

- Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần Khảo sát xây dựng theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng.

- Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần thí nghiệm chuyên ngành theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng.

- Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần lắp đặt máy và thiết bị công nghệ theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng.

1.3 Chi phí xây dựng công trình: 661.500.000 đồng

(Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn ./.)

VI - KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ:

1. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Kế hoạch đầu tư:

- Quý II/2023: Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Quý II, III/2023: Lựa chọn nhà thầu, khởi công công trình.

- Quý III, IV/2023: Thi công, hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán dự án công trình.

VII - CHỦ ĐẦU TƯ: Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng.

VIII - HÌNH THỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

IX - PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- Khảo sát, thiết kế lập BCKTKT: Chỉ định thầu rút gọn
- Hình thức lựa chọn nhà thầu thi công: Theo luật quy định hiện hành và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định.
- Hình thức thực hiện hợp đồng: Trọn gói.

X - KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ:

Trên đây là nội dung chính nhiệm vụ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm Y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng (Hạng mục: Trạm Y tế xã Chiến Thắng).

Kính đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình để công trình sớm được triển khai thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng.

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
DỰ ÁN THÀNH PHẦN 7: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO TRẠM Y TẾ
TUYẾN XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHI LĂNG
CÔNG TRÌNH: XÂY MỚI TRẠM Y TẾ XÃ HỮU KIÊN

I. Những căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ xây dựng Ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 13 /2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Quyết định số 12/QĐ-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2023 của Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc công bố bảng giá ca máy thiết bị thi công;
- Quyết định 11/QĐ-SXD ngày 15/01/2022 của Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn về công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
- Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;
- Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn V/v công bố xếp loại đường bộ địa phương năm 2018 để xác định cước vận tải trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
- Công bố giá số 02/CBGVLXD-SXD ngày 14/02/2023 của sở Xây dựng Lạng Sơn. Một số vật liệu không có trong đơn giá và thông báo giá đơn vị lập dự toán lấy theo thị trường giá cả vật tư của Bộ thương mại tại thời điểm lập dự toán;
- Hợp đồng đã ký giữa Chủ đầu tư và Công ty cổ phần Thời Đại về việc tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Hữu Kiên;
- Theo quyết định Số:349/QĐ-BQLDA ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng V/v Phê duyệt chỉ định thầu tư vấn khảo sát, thiết kế lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Hữu Kiên;

II. Mục tiêu xây dựng công trình, quy mô đầu tư:

1. Phân tích, đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất :

a. Cơ sở vật chất hiện tại:

* Hiện tại trạm y tế có tổng 5 cán bộ nhân viên

- Khối nhà trạm: Có kích thước 10,63x7,21m nhà được xây dựng khá lâu và hiện tại đang được làm khối nhà trạm. Nhưng không còn đáp ứng được nhu cầu sử dụng hiện tại

- Nhà vệ sinh: Được xây mới năm 2020 hiện tại vẫn đang sử dụng bình thường

- Các hạng mục khác như bể nước và nguồn nước hiện tại nhà trạm đang dùng lấy nước từ trên UBND xã cấp xuống.

- Ngoài ra còn các khối nhà cấp 4 tạm như nhà bếp, kho rác... nhưng đều đã xuống cấp

- Căn cứ vào quyết định số 54/QĐ-TTYT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch công tác y tế năm 2022 của trung tâm y tế huyện Chi Lăng giao về cho trạm y tế xã Hữu Kiên. Cụ thể số lượt khám 2948 lượt, điều trị lưu trú tại trạm 12 người, điều trị ngoại trú 321 người

b. Khu đất dự kiến xây dựng.

- Khu vực đo vẽ thuộc phạm vi khu đất của Trạm y tế xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng.

* Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: Sườn đồi

- Phía Nam giáp: Sườn đồi

- Phía Tây giáp: Sườn đồi

- Phía Đông giáp: Đường bê tông và khuôn viên Ủy ban nhân dân xã Hữu Kiên.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trong đó có đường giao thông, cột điện hạ thế, cột cao thế, dây thông tin liên lạc.

Điều kiện địa hình như vậy gây khó khăn không nhỏ cho công tác khống chế và đo đạc chi tiết bình đồ.

*** Cơ sở hạ tầng hiện tại**

- Về nguồn nước hiện tại trạm đang sử dụng nguồn nước giếng khoan lấy từ trên nhà trụ sở UBND xã gần đó.

- Về nguồn điện hiện tại trạm y tế đã được điện lực tỉnh Lạng Sơn ký hợp đồng và cung cấp điện cho trạm

- Về hệ thống thoát nước hiện tại trạm chưa có hệ thống ống cống thoát nước thải của khu vực

- Giao thông Trạm y tế được xây dựng ngay trên mặt đường lên rất thuận tiện cho việc di chuyển và đi lại

2. Sự cần thiết đầu tư và mục tiêu đầu tư:

*** Sự cần thiết đầu tư:**

- Căn cứ hiện trạng cơ sở vật chất của nhà trạm
- Căn cứ thiết kế mẫu trạm y tế
- Căn cứ vào Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thiết kế trạm y tế xã, phường, thị trấn
- Căn cứ vào quyết định số 2271/2002/QĐ-BYT về việc ban hành tiêu chuẩn thiết kế trạm y tế cơ sở - Tiêu chuẩn ngành
- Căn cứ vào Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020.
- Căn cứ theo nhu cầu cần thiết của nhà trạm
- Căn cứ vào quyết định số 54/QĐ-TTYYT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch công tác y tế năm 2022 của trung tâm y tế huyện Chi Lăng giao về cho trạm y tế xã Hữu Kiên. Cụ thể số lượt khám 2948 lượt, điều trị lưu trú tại trạm 12 người, điều trị ngoại trú 321 người

Kết luận: Hiện tại cơ sở vật chất của trạm y tế xã Hữu Kiên còn thiếu rất nhiều nên việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho trạm y tế xã Liên Sơn là rất cần thiết

*** Mục tiêu đầu tư:**

- Đầu tư cơ sở vật chất cho trạm y tế xã để nâng cao khả năng làm việc khám chữa bệnh của trạm y tế đồng thời nâng cao đời sống y tế cho nhân dân

3. Quy mô đầu tư tính toán và chỉ tiêu diện tích:

- Căn cứ vào quyết định số 54/QĐ-TTYYT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch công tác y tế năm 2022 của trung tâm y tế huyện Chi Lăng giao về cho trạm y tế xã Hữu Kiên. Cụ thể số lượt khám 2948 lượt, điều trị lưu trú tại trạm 12 người, điều trị ngoại trú 321 người

- Căn cứ vào Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020.

*** Tính toán quy mô đầu tư**

- Xây dựng mới nhà trạm y tế: cao 2 tầng, diện tích xây dựng 216m²; diện tích sàn 423m²

- San nền và đường khu đất nhà trạm, phá dỡ các hạng mục đã xuống cấp

III - Tên công trình và hình thức đầu tư:

1. Tên công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Hữu Kiên

2. Hình thức đầu tư : Đầu tư xây mới

3. Loại cấp công trình: Công trình dân dụng cấp III

4. Các giải pháp kỹ thuật kiến trúc, kết cấu, điện, nước, PCCC :

a) Giải pháp quy hoạch tổng thể:

- Ưu điểm: Bố cục công trình gọn, hợp lý tạo được khuôn viên rộng, tận dụng được các vị trí để xây dựng, tổng thể công trình hòa hợp, kết nối không gian với các công trình hiện có, khuôn viên chung rộng rãi.

b) Giải pháp kiến trúc chính

* **Xây mới khối nhà trạm 2 tầng:** Mặt bằng hình chữ nhật kích thước tại tim cột (27x7,4m) có diện tích xây dựng 216m², diện tích sàn 423m². Nối đi theo mặt bằng nhà là hành lang rộng 2,3m. Nối đi theo phương thẳng đứng là cầu thang. Mái nhà màu đỏ dày 0,4mm, nền lát gạch ceramic 600x600mm, gạch ốp chân tường 120x600mm, và gạch ốp các phòng là 300x600mm. Cửa sổ và cửa đi dùng cửa sắt sơn tĩnh điện màu ghi sáng, hoa sắt dùng sắt vuông đặc 12x12mm sơn 3 nước sơn tổng hợp, tam cấp và cầu thang ốp đá tối màu, nhà được sơn màu vàng nhạt và màu trắng. Nhà được bố trí thành các phòng như sau.

+ Tầng 1 gồm các phòng

- Phòng tiêm : S=15m²
- Phòng sơ cấp cứu : S=15m²
- Phòng trực : S=15m²
- Nhà vệ sinh : S=15m²
- Phòng lưu bệnh nhân phụ sản : S=15m²
- Phòng kế hoạch hóa gia đình : S=15m²
- Phòng đẻ : S=14,7m²
- Phòng tiết trùng : S=7m²

+ tầng 2 gồm các phòng : S=15m²

- Phòng khám tây y : S=15m²
- Phòng khám đông y : S=15m²
- phòng xét nghiệm : S=15m²
- Nhà vệ sinh : S=15m²
- Phòng tư vấn tuyên truyền : S=15m²
- Phòng kho thuốc và thiết bị y tế : S=15m²
- Phòng hành chính : S=15m²

c) Giải pháp kết cấu:

* **Xây mới khối nhà trạm 2 tầng:** Móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200# kết hợp móng gạch chịu lực mác 75# VXM mác 50# dưới tường cùng giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200# liên kết các móng lại với nhau tạo độ cứng không gian cho móng. Kết cấu thân nhà được sử dụng là nhà khung BTCT toàn khối, tường xây

bao che xung quang và ngăn phòng. Các cột và dầm, sàn được liên kết với nhau tại nút tạo thành hệ khung không gian, Cột, dầm, sàn sử dụng BTCT đá 1x2 mác 200#.

d) Giải pháp cấp điện, chiếu sáng, chống sét :

- Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ cột điện hạ thế đang được sử dụng gần vị trí xây dựng cấp đến tủ điện tổng nhà, hệ thống điện chiếu sáng trong nhà sử dụng bóng LED ống đôi dài 1.2m gắn trần và bóng đèn LED ống đơn dài 1,2m, đèn LED ốp trần trong D200, thiết bị điện bố trí aptomat bảo vệ. Tổ hợp tủ điện, công tắc điện, trong công trình đặt ngầm tường cách sàn 1,2m, ổ cắm đặt cách sàn 0,8m.

- Chống sét mái cho công trình sử dụng các kim thu sét dùng sắt tròn ϕ 18 dài 1m đầu nhọn được mạ kẽm hàn nối kim thu sét với hệ thống lưới thu sét. Hệ thống nối đất sử dụng cọc tia hỗn hợp. Cọc nối đất sử dụng sét góc 63x63x5 dài 2,5m . Thanh ngang dùng sắt tròn ϕ 20 hàn nối các đầu cọc lại với nhau. Đảm bảo điện trở $R_{nd} \leq 10\Omega$

e) Giải pháp PCCC:

- Hệ thống báo cháy sử dụng bình chữa cháy, tiêu lệnh, nội quy phòng cháy chữa cháy ở vị trí dễ tiếp cận của khối nhà.

f) Giải pháp cấp thoát nước:

- Thoát nước của các lavabo nhà trạm thoát ra bể xử lý nước thải sau đó thoát ra bể thấm

- Thoát nước từ tiểu và xí nhà vệ sinh nhà trạm được thoát ra bể tự hoại sau đó thoát ra bể tự thấm

- Thoát nước sàn và lavabo nhà vệ sinh nhà trạm được thoát ra bể tự thấm

- Thoát nước từ tiểu và xí nhà bếp công vụ được thoát ra bể tự hoại sau đó thoát vào bể tự ngầm

- Thoát nước sàn và lavabo nhà vệ sinh nhà bếp công vụ được thoát ra bể tự thấm

- Thoát nước mái được thu vào sê nô và thoát qua hệ thống ống nhựa dẫn xuống , thoát nước mặt chả trần.

5. Các Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế:

* Quy chuẩn xây dựng.

- QCVN 01: 2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng

- QCVN 02: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dựng trong xây dựng.

- QCVN 03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng

* Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5574: 2018 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 2737 : 2020 Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 9207:2012 Đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7114 - 1:2008 Chiếu sáng cho hệ thống làm việc trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn TK.
- TCVN 9310-4: 2012 Phòng cháy chữa cháy – Từ vựng – Phần 4 thiết bị chữa cháy
- TCVN 33:2006 Cấp nước mạng lưới đường ống công trình – Tiêu chuẩn thiết kế
- TCXD 51:2008 Thoát nước mạng lưới đường ống công trình – Tiêu chuẩn thiết kế.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10796:2016 về Cát mịn cho bê tông và vữa
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2682:2020 về xi măng pooc lăng
- TCVN 9377-1:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu phần 1: công tác lát và láng trong xây dựng.
- TCVN 9377-2:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu phần 1: công tác trát trong xây dựng
- TCVN 9377-3:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu phần 1: công tác ốp trong xây dựng
- TCVN 4732: 2016 về đá ốp, lát tự nhiên

IV - ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

a. Tác động môi trường trong quá trình thi công

- Tính chất công trình quy mô không quá lớn trong quá trình xây dựng không gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, chủ yếu ảnh hưởng môi trường trong quá trình vận chuyển đất.

- Quá trình thi công nhà thầu thi công sẽ thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường theo quy định để giảm thiểu tác động đến môi trường như sau:

+ Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp đảm bảo về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường; thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến nơi quy định.

+ Trong quá trình vận chuyển đất, phế thải phải có biện pháp che chắn đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

+ Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

+ Người để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

b. Tác động môi trường trong qua trình sử dụng.

- Giải pháp thu gom xử lý rác thải của các trạm y tế. Theo như khảo sát của trạm trạm y tế thì rác thải rắn của trạm khoảng 3,5m³/tháng sẽ được thu gom vào trong nhà chứa rác. Sau đó mỗi tháng sẽ mang rác thải của trạm y tế đến trung tâm y tế huyện để xử lý tại trung tâm y tế huyện Chi Lăng

- Về chất thải lỏng của trạm y tế khối lượng là từ 0,5m³-1m³/ tháng sẽ được đưa vào bể xử lý nước thải được bố trí thiết kế trong khu đất của trạm sau đó sẽ được xử lý bằng hóa chất ngay tại trạm y tế xã

V - Phân tích tài chính kinh tế:

1. Các căn cứ lập tổng mức đầu tư:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 13 /2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Quyết định số 12/QĐ-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2023 của Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc công bố bảng giá ca máy thiết bị thi công;

- Quyết định 11/QĐ-SXD ngày 15/01/2022 của Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn về công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

- Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn V/v công bố xếp loại đường bộ địa phương năm 2018 để xác định cước vận tải trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Công bố giá số 02/CBGVLXD-SXD ngày 14/02/2023 của sở Xây dựng Lạng Sơn. Một số vật liệu không có trong đơn giá và thông báo giá đơn vị lập dự toán lấy theo thị trường giá cả vật tư của Bộ thương mại tại thời điểm lập dự toán;

- Hợp đồng đã ký giữa Chủ đầu tư và Công ty cổ phần Thời Đại về việc tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Hữu Kiên;

- Theo quyết định Số:349/QĐ-BQLDA ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng V/v Phê duyệt chỉ định thầu tư vấn khảo sát, thiết kế lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Hữu Kiên;

2 - Tổng giá trị dự toán: 3.654.853.209 đồng

(Ba tỷ, sáu trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm linh chín đồng./.)

Trong đó:

Chi phí xây lắp	3.033.794.315 đồng
Chi phí quản lý dự án	95.040.502 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	313.932.463 đồng
Chi phí khác	37.426.064 đồng
Chi phí dự phòng	174.659.865 đồng

VI - Nguồn vốn và kế hoạch đầu tư đầu tư :

1- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước

2 - Kế hoạch đầu tư :

- Tháng năm 2022: Lập nhiệm vụ, phê duyệt kinh phí chuẩn bị đầu tư.

- Tháng năm 2022: Phê duyệt BCKTKT và kế hoạch đấu thầu

- Tháng năm 2022: Khởi công công trình

- Tháng năm 2022: Hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.

VII - Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng

VIII - Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

IX - Phương thức thực hiện dự án:

- Xây lắp + thiết bị: Đấu thầu trong nước

- Khảo sát, lập BCKT - KT: Chỉ định thầu

Trên đây là nội dung nhiệm vụ khảo sát, thiết kế lập báo cáo KT-KT xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Hữu Kiên

Công ty cổ phần Thời Đại trình Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng xem xét, phê duyệt để đơn vị tư vấn triển khai các bước tiếp theo.

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
DỰ ÁN THÀNH PHẦN 7: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO TRẠM Y TẾ
TUYẾN XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHI LĂNG
CÔNG TRÌNH: XÂY MỚI TRẠM Y TẾ XÃ LIÊN SƠN

I. Những căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ xây dựng Ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 13 /2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Quyết định số 12/QĐ-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2023 của Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc công bố bảng giá ca máy thiết bị thi công;
- Quyết định 11/QĐ-SXD ngày 15/01/2022 của Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn về công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
- Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;
- Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn V/v công bố xếp loại đường bộ địa phương năm 2018 để xác định cước vận tải trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
- Công bố giá số 03/CBGVLXD-SXD ngày 10/03/2023 của sở Xây dựng Lạng Sơn. Một số vật liệu không có trong đơn giá và thông báo giá đơn vị lập dự toán lấy theo thị trường giá cả vật tư của Bộ thương mại tại thời điểm lập dự toán;
- Hợp đồng đã ký giữa Chủ đầu tư và Công ty cổ phần Thời Đại về việc tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Liên Sơn;
- Theo quyết định Số:349/QĐ-BQLDA ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng V/v Phê duyệt chỉ định thầu tư vấn khảo sát, thiết kế lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Liên Sơn;

II. Mục tiêu xây dựng công trình, quy mô đầu tư:

1. Phân tích, đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất :

a. Cơ sở vật chất hiện tại:

- Hiện tại trạm y tế xã Liên Sơn có 1 nhà trạm diện tích 124m² và vẫn đang sử dụng bình thường. Hiện trạng công trình chỉ bị rêu mốc và ẩm thấp

- Nhà vệ sinh có diện tích 18m² mới được xây dựng và vẫn đang sử dụng bình thường.

- Ngoài ra trạm còn các hạng mục phụ trợ khác như nhà bếp, bể nước, giếng khoan... trong đó có nhà bếp được làm tạm bợ và cũng đã xuống cấp rất nhiều.

- Căn cứ vào quyết định số 54/QĐ-TTĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch công tác y tế năm 2022 của trung tâm y tế huyện Chi Lăng giao về cho trạm y tế xã Liên Sơn. Cụ thể số lượt khám 1100 lượt, điều trị lưu trú tại trạm 20 người, điều trị ngoại trú 40 người

b. Khu đất dự kiến xây dựng.

- Khu vực đo vẽ thuộc phạm vi khu đất của trạm y tế xã Liên Sơn, huyện Chi Lăng

* Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: vườn nhà dân

- Phía Nam giáp: Đường

- Phía Tây giáp: Sườn đồi

- Phía Đông giáp: Sườn đồi

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trong đó có đường giao thông, cột điện hạ thế, cột cao thế, dây thông tin liên lạc.

Điều kiện địa hình như vậy gây khó khăn không nhỏ cho công tác khống chế và đo đạc chi tiết bình đồ.

*** Cơ sở hạ tầng hiện tại**

- Về nguồn nước hiện tại trạm đang sử dụng nguồn nước giếng khoan có sẵn bơm lên təc nước nhà vệ sinh hiện trạng

- Về nguồn điện hiện tại trạm y tế đã được điện lực tỉnh Lạng Sơn ký hợp đồng và cung cấp điện cho trạm

- Về hệ thống thoát nước hiện tại trạm chưa có hệ thống ống cống thoát nước thải của khu vực

- Giao thông Trạm y tế được xây dựng ngay trên mặt đường lên rất thuận tiện cho việc di chuyển và đi lại

2. Sự cần thiết đầu tư và mục tiêu đầu tư:

*** Sự cần thiết đầu tư:**

- Căn cứ hiện trạng cơ sở vật chất của nhà trạm
- Căn cứ thiết kế mẫu trạm y tế
- Căn cứ vào Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thiết kế trạm y tế xã, phường, thị trấn
- Căn cứ vào quyết định số 2271/2002/QĐ-BYT về việc ban hành tiêu chuẩn thiết kế trạm y tế cơ sở - Tiêu chuẩn ngành
- Căn cứ theo nhu cầu cần thiết của nhà trạm
- Căn cứ vào Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020.
- Căn cứ vào quyết định số 54/QĐ-TTYYT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch công tác y tế năm 2022 của trung tâm y tế huyện Chi Lăng giao về cho trạm y tế xã Liên Sơn. Cụ thể số lượt khám 1100 lượt, điều trị lưu trú tại trạm 20 người, điều trị ngoại trú 40 người

Kết luận: Hiện tại cơ sở vật chất của trạm y tế xã Liên Sơn còn thiếu rất nhiều nên việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho trạm y tế xã Liên Sơn là rất cần thiết

*** Mục tiêu đầu tư:**

- Đầu tư cơ sở vật chất cho trạm y tế xã để nâng cao khả năng làm việc khám chữa bệnh của trạm y tế đồng thời nâng cao đời sống y tế cho nhân dân

3. Quy mô đầu tư tính toán và chỉ tiêu diện tích:

- Căn cứ vào Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020.
- Căn cứ vào quyết định số 54/QĐ-TTYYT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch công tác y tế năm 2022 của trung tâm y tế huyện Chi Lăng giao về cho trạm y tế xã Liên Sơn. Cụ thể số lượt khám 1100 lượt, điều trị lưu trú tại trạm 20 người, điều trị ngoại trú 40 người

*** Tính toán quy mô đầu tư**

- + Cải tạo nhà trạm y tế 6 phòng có kích thước 18,22x6,82m, có diện tích xây dựng 124m²
- + Xây mới 4 phòng trạm y tế có diện tích 80m² và có kích thước 10,12x7,72m

III - Tên công trình và hình thức đầu tư:

- 1. Tên công trình:** Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Liên Sơn
- 2. Hình thức đầu tư :** Đầu tư xây mới
- 3. Loại cấp công trình:** Công trình dân dụng cấp III
- 4. Các giải pháp kỹ thuật kiến trúc, kết cấu, điện, nước, PCCC :**
 - a) Giải pháp quy hoạch tổng thể:**

- Ưu điểm: Bộ cục công trình gọn, hợp lý tạo được khuôn viên rộng, tận dụng được các vị trí để xây dựng, tổng thể công trình hòa hợp, kết nối không gian với các công trình hiện có, khuôn viên chung rộng rãi.

b) Giải pháp kiến trúc chính

* **Cải tạo nhà trạm cũ:** Cạo bỏ lớp sơn cũ trong, ngoài nhà và sơn lại tường trong, ngoài nhà. Tháo dỡ xà gồ, mái tôn, tường thu hồi rồi xây lại tường thu hồi để nâng cao mái sau đó lợp lại mái tôn mới, chống thấm cho sê nô mái. Thay ống thoát nước mái. Phá dỡ nền cũ lát lại nền bằng gạch Ceramic 600x600mm. Đi lại hệ thống điện toàn nhà. Láng gralito tam cấp trước sảnh. Làm lại chống sét cho nhà

* **Xây mới nhà 4 phòng trạm y tế:** Mặt bằng nhà hình chữ nhật có kích thước tim tường 10,12x7,72m có diện tích xây dựng $S=124m^2$, cao 1 tầng được bố trí gồm các phòng sau: Phòng đẽ, phòng tiết trùng, phòng KHHGD, phòng tiêm. Nền tôn cao 0,45m so với mặt sân, chiều cao tầng nhà 3,6m, diện tích nhà $S=80m^2$, mái lợp tôn tráng kẽm dày 0,4mm, nhà sơn hoàn thiện, nền lát gạch ceramic 600x600mm. Cửa đi cửa sổ dùng cửa thép định hình sơn tĩnh điện. Hoa sắt dùng sắt vuông đặc 12x12mm sơn 3 nước sơn tổng hợp

c) Giải pháp kết cấu:

* **Xây mới nhà 4 phòng trạm y tế:** Móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200# kết hợp móng gạch chịu lực mác 75# VXM mác 50# dưới tường cùng giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200# liên kết các móng lại với nhau tạo độ cứng không gian cho móng. Kết cấu thân nhà được sử dụng là nhà khung BTCT toàn khối, tường xây bao che xung quang và ngăn phòng. Các cột và dầm, sàn được liên kết với nhau tại nút tạo thành hệ khung không gian, Cột, dầm, sàn sử dụng BTCT đá 1x2 mác 200#.

d) Giải pháp cấp điện, chiếu sáng, chống sét :

- Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ cột điện hạ thế đang được sử dụng gần vị trí xây dựng cấp đến tủ điện tổng nhà, hệ thống điện chiếu sáng trong nhà sử dụng bóng LED ống đôi dài 1.2m gắn trần và bóng đèn LED ống đơn dài 1,2m, đèn LED ốp trần trong D200, thiết bị điện bố trí aptomat bảo vệ. Tổ hợp tủ điện, công tắc điện, trong công trình đặt ngầm tường cách sàn 1,2m, ổ cắm đặt cách sàn 0,8m.

- Chống sét mái cho công trình sử dụng các kim thu sét dùng sắt tròn $\phi 18$ dài 1m đầu nhọn được mạ kẽm hàn nối kim thu sét với hệ thống lưới thu sét. Hệ thống nối đất sử dụng cọc tia hỗn hợp. Cọc nối đất sử dụng sét góc 63x63x5 dài 2,5m . Thanh ngang dùng sắt tròn $\phi 20$ hàn nối các đầu cọc lại với nhau. Đảm bảo điện trở $R_{nd} \leq 10\Omega$

e) Giải pháp PCCC:

- Hệ thống báo cháy sử dụng bình chữa cháy, tiêu lệnh, nội quy phòng cháy chữa cháy ở vị trí dễ tiếp cận của khối nhà.

f) Giải pháp cấp thoát nước:

- Thoát nước trạm được thoát ra bể xử lý nước thải sau đó thoát ra bể ngầm

- Thoát nước nhà bếp được thoát ra bề tự ngầm
- Thoát nước mái được thu vào sê nô và thoát qua hệ thống ống nhựa dẫn xuống , thoát nước mặt chả tràn.

5. Các Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế:

- * Quy chuẩn xây dựng.
 - QCVN 01: 2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng
 - QCVN 02: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dựng trong xây dựng.
 - QCVN 03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
 - QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng
- * Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 5574: 2018 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế
 - TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế
 - TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế
 - TCVN 2737 : 2020 Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế
 - TCVN 9207:2012 Đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 7114 - 1:2008 Chiếu sáng cho hệ thống làm việc trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế
 - TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn TK.
 - TCVN 9310-4: 2012 Phòng cháy chữa cháy – Từ vựng – Phần 4 thiết bị chữa cháy
 - TCVN 33:2006 Cấp nước mạng lưới đường ống công trình – Tiêu chuẩn thiết kế
 - TCXD 51:2008 Thoát nước mạng lưới đường ống công trình – Tiêu chuẩn thiết kế.
 - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10796:2016 về Cát mịn cho bê tông và vữa
 - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2682:2020 về xi măng pooc lăng
 - TCVN 9377-1:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu phần 1: công tác lát và láng trong xây dựng.
 - TCVN 9377-2:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu phần 1: công tác trát trong xây dựng
 - TCVN 9377-3:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu phần 1: công tác ốp trong xây dựng

- TCVN 4732: 2016 về đá ốp, lát tự nhiên

IV - ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

a. Tác động môi trường trong quá trình thi công

- Tính chất công trình quy mô không quá lớn trong quá trình xây dựng không gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, chủ yếu ảnh hưởng môi trường trong quá trình vận chuyển đất.

- Quá trình thi công nhà thầu thi công sẽ thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường theo quy định để giảm thiểu tác động đến môi trường như sau:

+ Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp đảm bảo về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường; thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến nơi quy định.

+ Trong quá trình vận chuyển đất, phế thải phải có biện pháp che chắn đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

+ Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

+ Người để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

b. Tác động môi trường trong quá trình sử dụng.

- Giải pháp thu gom xử lý rác thải của các trạm y tế. Theo như khảo sát của trạm trạm y tế thì rác thải rắn của trạm khoảng 3m³/tháng sẽ được thu gom vào trong nhà chứa rác. Sau đó mỗi tháng sẽ mang rác thải của trạm y tế đến trung tâm y tế huyện để xử lý tại trung tâm y tế huyện Chi Lăng

- Về chất thải lỏng của trạm y tế khối lượng là từ 0,5m³-0,7m³/ tháng sẽ được đưa vào bể xử lý nước thải được bố trí thiết kế trong khu đất của trạm sau đó sẽ được xử lý bằng hóa chất ngay tại trạm y tế xã

V - Phân tích tài chính kinh tế:

1. Các căn cứ lập tổng mức đầu tư:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ xây dựng Ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 13 /2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Quyết định số 12/QĐ-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2023 của Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc công bố bảng giá ca máy thiết bị thi công;
- Quyết định 11/QĐ-SXD ngày 15/01/2022 của Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn về công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
- Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;
- Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn V/v công bố xếp loại đường bộ địa phương năm 2018 để xác định cước vận tải trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
- Công bố giá số 03/CBGVLXD-SXD ngày 10/03/2023 của sở Xây dựng Lạng Sơn. Một số vật liệu không có trong đơn giá và thông báo giá đơn vị lập dự toán lấy theo thị trường giá cả vật tư của Bộ thương mại tại thời điểm lập dự toán;
- Hợp đồng đã ký giữa Chủ đầu tư và Công ty cổ phần Thời Đại về việc tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Hữu Kiên;
- Theo quyết định Số:349/QĐ-BQLDA ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng V/v Phê duyệt chỉ định thầu tư vấn khảo sát, thiết kế lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Hữu Kiên;

2 - Tổng giá trị dự toán: 1.087.499.979đồng

(Một tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi chín đồng./.)

Trong đó:

Chi phí xây lắp	899.430.712 đồng
Chi phí quản lý dự án	28.176.711 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	94.895.742 đồng
Chi phí khác	13.018.361 đồng
Chi phí dự phòng	51.978.454 đồng

VI - Nguồn vốn và kế hoạch đầu tư đầu tư :

1- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước

2 - Kế hoạch đầu tư :

- Tháng năm 2022: Lập nhiệm vụ, phê duyệt kinh phí chuẩn bị đầu tư.
- Tháng năm 2022: Phê duyệt BCKTKT và kế hoạch đấu thầu
- Tháng năm 2022: Khởi công công trình
- Tháng năm 2022: Hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.

VII - Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng

VIII - Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

IX - Phương thức thực hiện dự án:

- Xây lắp + thiết bị: Đấu thầu trong nước
- Khảo sát, lập BCKT - KT: Chỉ định thầu

Trên đây là nội dung nhiệm vụ khảo sát, thiết kế lập báo cáo KT-KT xây dựng công trình: Dự án thành phần 7: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng, công trình: Xây mới trạm y tế xã Hữu Kiên

Công ty cổ phần Thời Đại trình Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng xem xét, phê duyệt để đơn vị tư vấn triển khai các bước tiếp theo.